



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS



Tel: 024. 3936 8366
Fax: 024. 3936 8377



contact@bos.vn
www.bos.vn



Tầng 25, Bamboo Airways
Tower, 265 Cầu Giấy
P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy
Hà Nội

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04 - 05
---	---------

TỔNG QUAN VỀ BOS	06 - 19
------------------	---------

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	06 - 07
TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	08 - 09
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	10 - 11
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	12 - 13
THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	14 - 17
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ	18
ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ	19

SẢN PHẨM DỊCH VỤ	20 - 27
------------------	---------

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	20 - 23
DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	24 - 25
DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH	26
DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH	27

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	28 - 37
-----------------------	---------

KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2021	28 - 33
TRIỂN VỌNG KINH TẾ VN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2022	34 - 37

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021	38 - 45
----------------------------	---------

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	38 - 43
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	44 - 45

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	46 - 47
-----------------------	---------

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN	46
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022	47

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	48
--------------------	----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH	50 - 117
-------------------	----------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	52 - 55
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	56 - 57
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021	58 - 61
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021	62 - 63
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2021	64 - 65
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2021	66
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021	67 - 93
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	94 - 117

Kính thưa quý Cổ đông, quý Khách hàng và các Đối tác!

Năm 2021, Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi 2 đợt bùng phát dịch nhưng ảnh hưởng nghiêm trọng nhất là làn sóng thứ 4 kéo dài từ cuối tháng 4 và tháng 7 lan trên diện rộng tại các tỉnh, thành phố lớn. Những biện pháp giãn cách kéo dài nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế quý III suy giảm chưa từng có trong lịch sử (-6,02%). Với chiến lược thay đổi đối sách từ zero COVID sang “sống chung” với dịch, chiến dịch hướng tới mục tiêu trên 70% dân số Việt Nam được tiêm vắc xin phòng Covid-19 đến hết quý I/2022 nhằm đạt được miễn dịch cộng đồng, đang từng bước tạo nền tảng vững chắc để đưa nền kinh tế trở lại “trạng thái bình thường mới”. Đà phục hồi tăng trưởng kinh tế thực sự quay trở lại trong quý IV, đưa mức tăng trưởng GDP đạt 5,22% so với cùng kỳ năm trước. Đây là sự đảo chiều ấn tượng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP chung của năm 2021 đạt 2,58%. Năm 2022, các tổ chức quốc tế uy tín đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% trong bối cảnh dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế.

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đánh dấu một năm 2021 bùng nổ về mọi phương diện, từ chỉ số, thanh khoản, số lượng nhà đầu tư. Giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 26.589 tỷ đồng/phiên, tăng 260% so với năm 2020. Năm 2021, số lượng nhà đầu tư tham

gia TTCK tăng mạnh đã góp phần đẩy thanh khoản thị trường lên hàng tỷ USD/phiên. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên con số 4,3 triệu tài khoản, tăng 55,5% so với cuối năm 2020. Cùng với đó, các mảng thị trường khác như trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm và TTCK phái sinh cũng có nhiều diễn biến tích cực theo hướng tăng trưởng trong năm 2021...

Cùng với sự tăng trưởng của TTCK, hoạt động kinh doanh năm 2021 của BOS mặc dù chưa đạt kế hoạch nhưng đã có sự tăng trưởng tích cực về lợi nhuận so với năm ngoái. Số lượng tài khoản khách hàng mở mới tiếp tục gia tăng nhanh sau khi BOS triển khai thành công dịch vụ mở tài khoản trực tuyến Ekyc từ tháng 8/2021. Ứng dụng Ekyc thúc đẩy khách hàng thay đổi thói quen từ giao dịch trực tiếp tại quầy sang giao dịch trực tuyến, nhằm đem đến sự nhanh chóng, tiện lợi, an toàn cho khách hàng, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp.

Những nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sản phẩm, dịch vụ và hệ thống quản trị rủi ro đã giúp BOS từng bước nâng cao vị thế và hình ảnh trên thị trường. Sự tin nhiệm của khách hàng không ngừng được cải thiện, thể hiện thông qua sự hài lòng của khách hàng với chất lượng sản phẩm và dịch vụ mà BOS cung cấp.

Bước sang năm 2022, kinh tế thế giới vẫn đang đối mặt với nguy cơ về sự xuất hiện các biến thể mới của Covid-19. Đà phục hồi của nền kinh tế thế giới do đó có thể sẽ bị ảnh

“Không ngừng vươn xa và tối đa hóa lợi ích của khách hàng, đối tác trên cơ sở quản trị rủi ro tốt nhất”

hưởng. Áp lực lạm phát tăng cao thúc đẩy các nền kinh tế phát triển phải thu hẹp những biện pháp hỗ trợ tiền tệ khổng lồ. Diễn biến này sẽ ảnh hưởng đến lượng tiền “bơm” vào thị trường chứng khoán. Trong bối cảnh đó, TTCK Việt Nam dự báo sẽ xuất hiện nhiều biến động trong năm 2022. Dù vậy, với môi trường lãi suất thấp tiếp tục được duy trì ít nhất đến nửa đầu năm 2022 để hỗ trợ doanh nghiệp, TTCK Việt Nam vẫn có nhiều cơ hội để tiến tới thử thách ngưỡng cao mới. Đồng hành cùng sự phát triển của TTCK, BOS sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để mang lại những giá trị cao nhất cho khách hàng và Quý cổ đông.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng Khoán BOS, tôi xin trân trọng cảm ơn quý khách hàng, quý cổ đông, quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã tin tưởng, đồng hành cùng BOS trong thời gian vừa qua cũng như trong những chặng đường tiếp theo.

Xin chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





TỔNG QUAN VỀ BOS SECURITIES

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TÊN CÔNG TY:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS
TÊN TIẾNG ANH:	BOS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
TÊN GIAO DỊCH VIẾT TẮT:	BOS
MÃ CHỨNG KHOÁN:	ART
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP & HOẠT ĐỘNG:	85/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/03/2008
VỐN ĐIỀU LỆ:	969.225.090.000 VNĐ (Chín trăm sáu mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng)
TRỤ SỞ CÔNG TY:	Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
SỐ ĐIỆN THOẠI:	+(84-24) 3936 8366
SỐ FAX:	+(84-24) 3936 8377
WEBSITE:	www.bos.vn
EMAIL:	contact@bos.vn

Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam thông qua việc cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện.

Không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất vì lợi ích của khách hàng.

Tạo dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư.

Không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực: Xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác làm việc, hợp tác với BOS trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Quốc tế.

Hướng đến sự hoàn hảo: BOS hướng đến sự tăng trưởng ổn định trên cả ba phương diện là tăng thị phần môi giới và đẩy mạnh hoạt động M&A, Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đồng thời tiếp tục ưu tiên công tác quản trị rủi ro và an toàn tài chính.

Liên tục đổi mới: Liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và không ngừng phát triển các quy trình nghiệp vụ nhằm đem đến cho khách hàng lợi ích cao nhất.

Hợp tác: BOS cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ tài chính chứng khoán cho nhà đầu tư riêng lẻ cũng như các tổ chức, định chế tài chính chuyên nghiệp. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các quỹ, các tổ chức và các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, ngân hàng, giải trí truyền thông, năng lượng...

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS theo quyết định số 41/GPDC-UBCK ngày 8/7/2019.

BOS cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ chứng khoán cho các nhà đầu tư riêng lẻ cũng như các tổ chức, định chế tài chính chuyên nghiệp. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các Quý, tổ chức hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, ngân hàng, giải trí truyền thông, năng lượng....

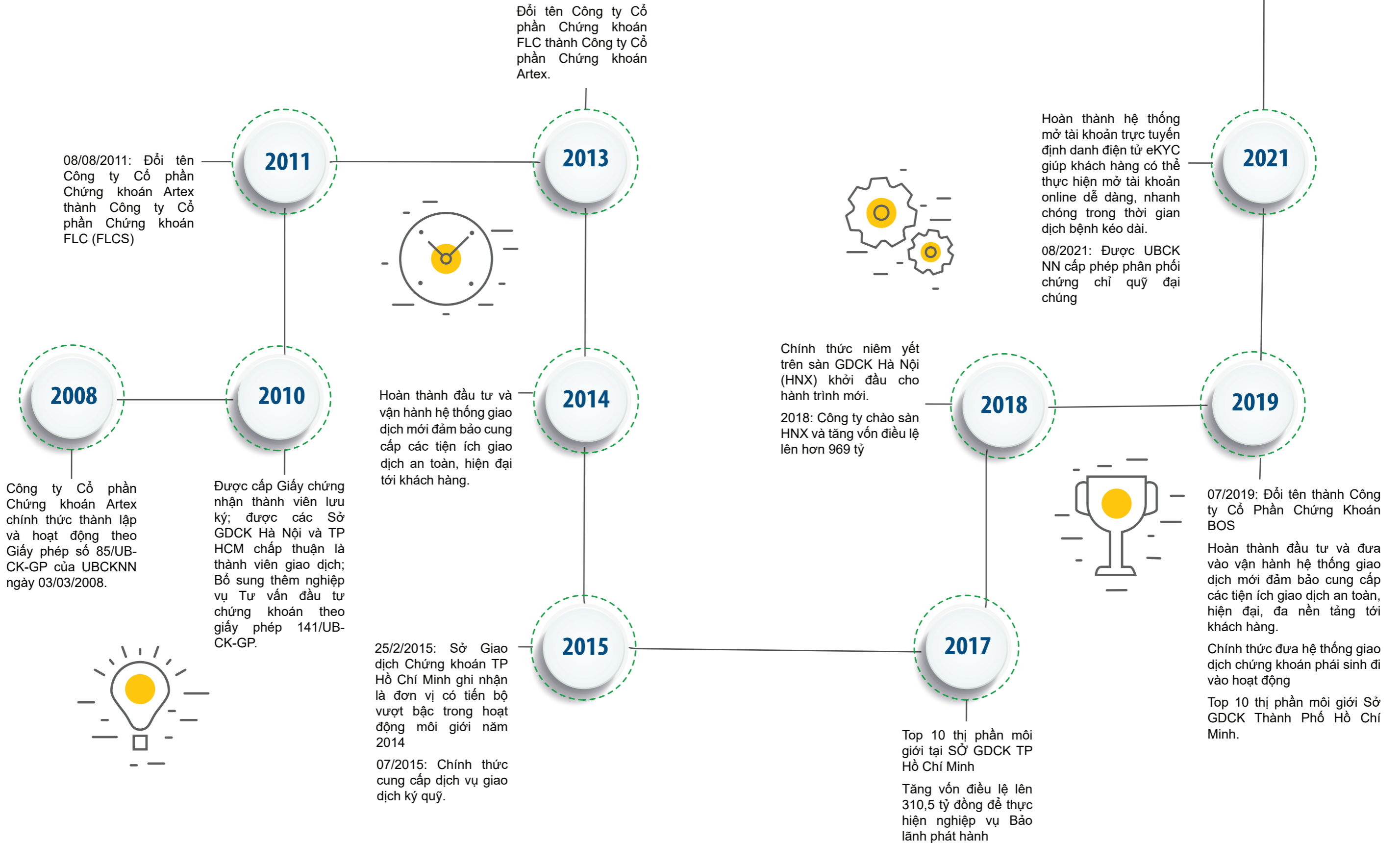
Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của BOS chính là khả năng cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện và hiệu quả.

Chúng tôi luôn coi lợi ích của khách hàng là những giá trị cốt lõi mà chúng tôi không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lên hàng đầu. Những giá trị này được phản ánh thông qua những nguyên tắc thiết yếu trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi: Chính trực, hướng đến sự hoàn hảo, luôn đổi mới và hợp tác.

Với định hướng trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, ngoài việc không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất để hỗ trợ cho quá trình phát triển, chúng tôi luôn đặt mục tiêu thu hút và tạo dựng được đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư. Chúng tôi tự hào đã bước đầu xây dựng được một đội ngũ nhân viên tài năng và giàu kinh nghiệm.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY
969.225.090.000
VNĐ

SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH
96.922.509
cổ phiếu

SỐ CỔ PHIẾU LƯU HÀNH
96.922.509
cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà nước	-	-			
2	Cổ đông sáng lập	-	-			
3	Cổ đông lớn (Sở hữu 5% cp trở lên)	6.000.000	6,19%	1		1
4	Công đoàn công ty	-	-			
5	Cổ phiếu quỹ	-	-			
6	Cổ đông khác	90.922.509	93,81%	14.425	16	14.409
	Tổng cộng	90.922.509	93,81%	14.425	16	14.409
	Trong Đó					
	- Trong nước	90.348.383	93,22%	14.350	14	14.336
	- Nước Ngoài	574.126	0,59%	75	2	73

HỌ VÀ TÊN/ CHỨC DANH ĐẦU KỲ	HỌ VÀ TÊN/ CHỨC DANH CUỐI KỲ
1. Trưởng ban Kiểm soát Bà Vũ Thị Hương	1. Trưởng ban Kiểm soát Bà Vũ Thị Hương
2. Thành viên BKS Ông Nguyễn Đăng Vượng	2. Thành viên BKS Ông Nguyễn Đăng Vượng
3. Thành viên BKS Bà Phan Thị Bích Phượng	3. Thành viên BKS Bà Phan Thị Bích Phượng

Danh sách Ban kiểm soát thay đổi ngày 27/04/2021.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	CHỨC VỤ/QUAN HỆ	SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CUỐI KỲ
1	Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch HĐQT	500.000	0,51%
	Người có liên quan		0	0%
2	Chu Tiến Vượng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
3	Lê Bá Nguyên	TV HĐQT	0	0%
	Trịnh Văn Quyết	Em rể	3.156.000	3,2%
4	Nguyễn Quỳnh Nga	TV HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
5	Trịnh Thị Thúy Nga	TV HĐQT	0	0%
	Trịnh Văn Quyết	Anh trai	3.156.000	3,2%
6	Vũ Thị Hường	Trưởng BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
7	Nguyễn Đăng Vụ	TV BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
8	Phan Thị Bích Phượng	TV BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
9	Nguyễn Chí Cương	Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
10	Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
11	Trần Thị Lan	Kế toán trưởng	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
12	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Người được ủy quyền CBTT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%

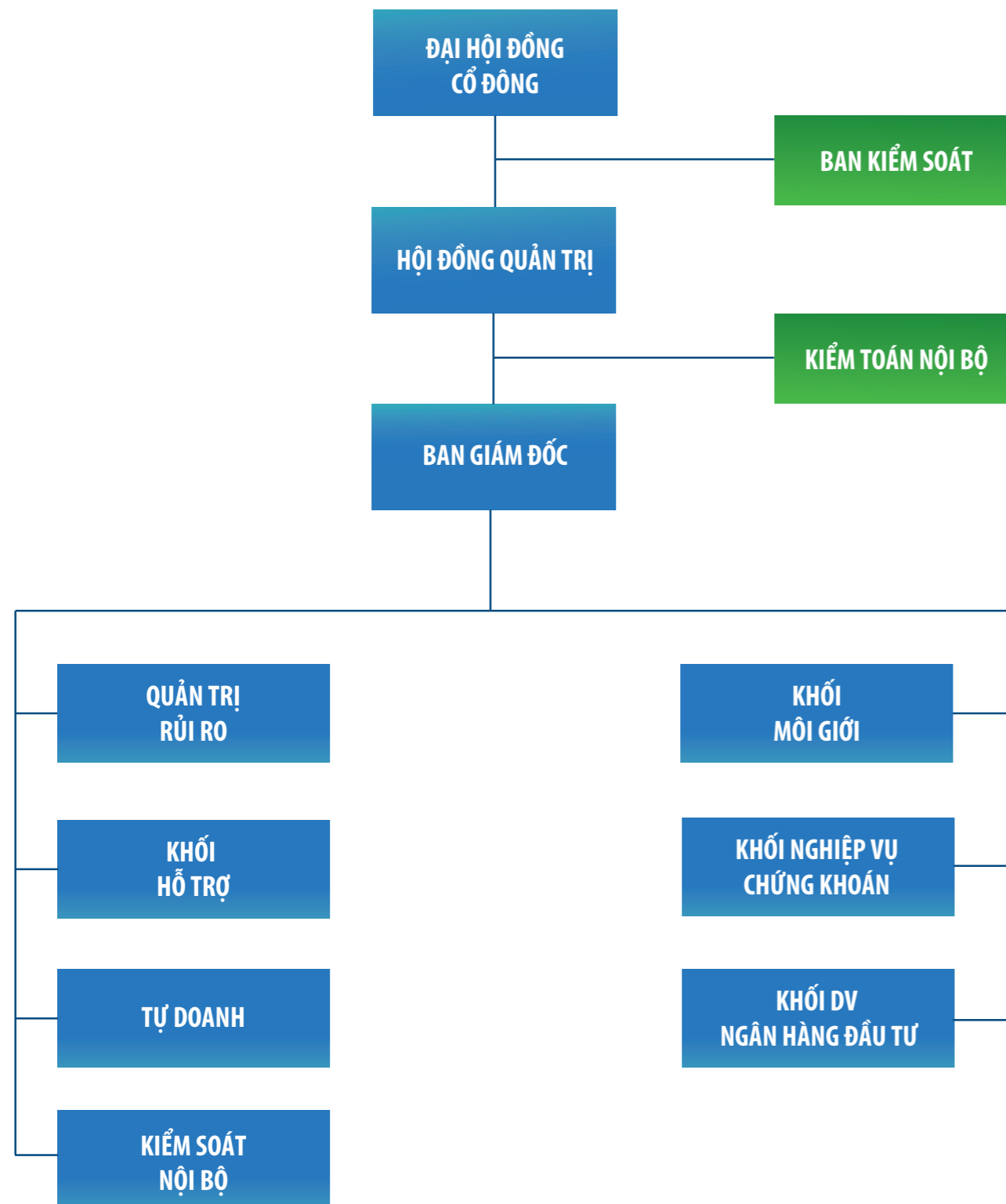
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Năm 2021 không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Các giao dịch khác: Không có

Các vấn đề khác cần lưu ý: Không có

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Với định hướng trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, ngoài việc không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất để hỗ trợ cho sự phát triển, chúng tôi luôn đặt mục tiêu thu hút và tạo dựng được đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư. Chúng tôi tự hào đã bước đầu xây dựng được một đội ngũ nhân viên tài năng và giàu kinh nghiệm.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

CBNV được hưởng đầy đủ chế độ BHXH, BHYT và các chế độ phúc lợi khác theo quy định pháp luật:

- CBNV được hưởng gói bảo hiểm sửa khỏe đối với các vị trí làm tại công ty từ 3 năm và cấp phó phòng trở lên;
- CBNV được hưởng các chính sách ưu đãi tại các quần thể nghỉ dưỡng 5*, vé máy bay và các quyền lợi khác;
- CBNV được tham gia các hoạt động nghỉ mát, các sự kiện, team building của Công ty;
- Môi trường Công ty làm việc văn minh, chuyên nghiệp.



SẢN PHẨM DỊCH VỤ

1. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn tài chính doanh nghiệp được coi là dịch vụ mang tính chiến lược trong định hướng phát triển của BOS. Công ty cổ phần chứng khoán BOS ý thức được vị trí, vai trò của mình và tự hào có đội ngũ cán bộ tư vấn giàu kinh nghiệm, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trên thế giới và trong nước. BOS tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp đạt được mục tiêu của mình thông qua việc cung cấp các giải pháp mang tính thực tiễn cao, điều chỉnh cho phù hợp với từng doanh nghiệp cũng như nhận dạng và theo đuổi các cơ hội kinh doanh trong nước và quốc tế. Đến với BOS, khách hàng sẽ được cung cấp các dịch vụ tư vấn đa dạng với chất lượng nổi trội.



TƯ VẤN PHÁT HÀNH, BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

Với đội ngũ các chuyên gia tư vấn am hiểu về tài chính doanh nghiệp và thị trường chứng khoán, BOS sẽ giúp doanh nghiệp thực hiện thành công việc phát hành chứng khoán để huy động vốn với chi phí thấp nhất và đạt hiệu quả cao nhất thông qua các hoạt động cụ thể sau:

- Tư vấn lựa chọn công cụ tài chính, thời điểm và phương thức phát hành phù hợp;
- Lập kế hoạch phát hành, bán đấu giá cổ phần;
- Hỗ trợ lập hồ sơ phát hành, bán đấu giá cổ phần;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng;
- Tư vấn, hỗ trợ thực hiện việc chào bán chứng khoán.



TƯ VẤN NIÊM YẾT

BOS sẽ hỗ trợ khách hàng nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý đăng ký niêm yết chứng khoán. Đặc biệt hơn, BOS còn tư vấn, hỗ trợ khách hàng sau niêm yết các biện pháp bình ổn và tăng giá trị cổ phiếu, mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông, tạo niềm tin vững chắc của nhà đầu tư đối với các chứng khoán của khách hàng. Các dịch vụ BOS cung cấp bao gồm:

- Tư vấn lập hồ sơ niêm yết;
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục niêm yết;
- Tư vấn, hỗ trợ xây dựng quy trình quản lý, công bố thông tin;
- Tư vấn, hỗ trợ sau niêm yết.



BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Khi cung cấp dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, BOS giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua toàn bộ giá trị chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa phân phối hết. Trong trường hợp cam kết chắc chắn khi thực hiện bảo lãnh phát hành, với uy tín và vị thế trên thị trường, BOS sẽ đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của mỗi đợt phát hành, trong đó khách hàng đảm bảo nhận được toàn bộ số tiền phát hành chứng khoán tại một mức giá bảo lãnh do BOS cam kết trước vào ngày chính thức phát hành.

Các sản phẩm bảo lãnh phát hành chứng khoán tại BOS gồm:

- Bảo lãnh phát hành cổ phiếu;
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu.

1. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



TƯ VẤN GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nhận thức được tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp, BOS đưa ra dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp về mặt quản trị với kinh nghiệm đã được kiểm chứng, bao gồm:

- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp;
- Xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Xây dựng các quy chế điều chỉnh hoạt động của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát;
- Xây dựng và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc công bố thông tin đại chúng theo luật định;
- Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Dịch vụ quản lý sổ cổ đông.



TƯ VẤN MUA BÁN, SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

Hoạt động mua bán sáp nhập là công cụ rất phổ biến của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm mục đích thực hiện chiến lược mở rộng và phát triển. BOS thực hiện vai trò là cầu nối, xúc tác cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua những đánh giá, phân tích, giảm thiểu những chi phí không cần thiết, định ra mức giá mua, bán hợp lý và phương thức phù hợp với tình hình của doanh nghiệp. Với bề dày nhiều năm kinh nghiệm, đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính chuyên nghiệp và am hiểu thị trường, BOS mang lại cho khách hàng những chiến lược M&A phù hợp và hiệu quả nhất.



TƯ VẤN TÁI CẤU TRÚC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc tài chính có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển của mọi doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp muốn chuyển đổi loại hình hoạt động của công ty hoặc mở rộng quy mô hoạt động nhằm đáp ứng sự phát triển nhanh và mạnh của công ty. Trên cơ sở phân tích và đánh giá hiện trạng tình hình tài chính doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức công ty, BOS sẽ tiến hành lập kế hoạch và phương án tái cấu trúc doanh nghiệp một cách hợp lý, góp phần giúp cho tình hình tài chính của doanh nghiệp được minh bạch, phù hợp với thông lệ và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, và tối ưu nhất cho mô hình hoạt động của doanh nghiệp.



TƯ VẤN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ chuyên gia tư vấn về tài chính, tư vấn luật có nhiều kinh nghiệm BOS sẽ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp, cụ thể:

- Tư vấn cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước;
- Tư vấn chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần;
- Tư vấn chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại;
- Tư vấn hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp;
- Tư vấn thoái vốn.



ĐẠI LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

Song song với dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, BOS còn cung cấp thêm dịch vụ Đại lý Phát hành cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ, tạo sự đa dạng, giúp khách hàng có thể chọn lựa các hình thức dịch vụ phù hợp. BOS cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành và niêm yết trái phiếu doanh nghiệp; Bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp.



2. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

BOS cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ để giúp họ đạt được các mục tiêu lợi nhuận. Với một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, trung thực, am hiểu thị trường, ngành nghề và xu hướng thị trường để khách hàng có những quyết định tốt nhất phù hợp với mục tiêu và khả năng chấp nhận rủi ro của từng khách hàng.



MÔI GIỚI

Với hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, BOS tự hào mang đến cho khách hàng dịch vụ môi giới chứng khoán chuyên nghiệp với mức phí cạnh tranh, linh hoạt và phong phú với từng đối tượng khách hàng.

- Môi giới giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ;
- Môi giới Trái phiếu;
- Môi giới các sản phẩm tài chính khác.

Ứng trước tiền bán tự động: là dịch vụ tự động cộng số dư tiền bán chờ về vào sức mua và sẽ tự động phát vay khi lệnh mua khớp.



LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

BOS cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm: Ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ.



TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Nhằm hỗ trợ khách hàng trong hoạt động đầu tư, BOS với đội ngũ chuyên gia nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán đã cung cấp tới khách hàng dịch vụ tư vấn đầu tư bao gồm:

- Tư vấn xây dựng danh mục đầu tư, tái cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với từng khách hàng về kỳ hạn, tỷ trọng, lợi nhuận kỳ vọng và mức độ chịu đựng rủi ro;
- Tư vấn sàng lọc lựa chọn cổ phiếu trong từng thời kỳ;
- Tư vấn chiến lược và chiến thuật mua/bán các cổ phiếu niêm yết giúp khách hàng tối đa hóa được lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro thông qua các hình thức tư vấn trực tiếp trên sàn, tư vấn thông qua email/điện thoại/phần mềm trực tuyến...;
- Tư vấn thông qua hệ thống các báo cáo, nhận định về thị trường chứng khoán hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng; báo cáo phân tích cổ phiếu; báo cáo ngành; báo cáo tổng hợp. Cập nhật và phân tích các thông tin về kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp;
- Tổ chức các buổi hội thảo, thuyết trình về thị trường chứng khoán và các cơ hội đầu tư trên thị trường.

3. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Với nguồn lực tài chính ổn định, BOS cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng và linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng và nhu cầu khách hàng. Các dịch vụ tài chính của BOS bao gồm:

Giao dịch ký quỹ: là công cụ sử dụng đòn bẩy trong hoạt động đầu tư chứng khoán giúp khách hàng có thể sử dụng phần vốn vay để mua chứng khoán nhiều hơn vốn ban đầu của mình.

Ứng trước tiền bán: là dịch vụ cho phép khách hàng sử dụng trước tiền bán chứng khoán khi chưa đến ngày tiền về.


4. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Với phương châm luôn cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nhằm đem đến sự hài lòng và hiệu quả đầu tư tốt nhất cho khách hàng, sản phẩm chứng khoán phái sinh của BOS bao gồm:

Môi giới chứng khoán Phái sinh

Chứng khoán phái sinh là một thị trường mới có nhiều điểm khác biệt so với thị trường cơ sở, nên việc có sự trợ giúp của nhân viên môi giới chuyên nghiệp của BOS sẽ mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng như:

- Tư vấn và hướng dẫn các sản phẩm dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Thường xuyên nhận được những lời khuyên về đầu tư với góc nhìn của nhà môi giới chuyên viên và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hợp đồng tương lai chỉ số VN30;
- Được hỗ trợ đặt lệnh mở/đóng vị thế và các giao dịch liên quan khác như: nộp/rút/chuyển khoản.

An aerial photograph of a city at sunset. The sky is a mix of orange, yellow, and blue. A prominent skyscraper stands in the center, with the sun setting behind it. The city below is densely packed with buildings and a complex network of roads and highways. A large, semi-transparent teal shape is overlaid on the left side of the image, containing the main title and sub-headers.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

I. Kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam 2021

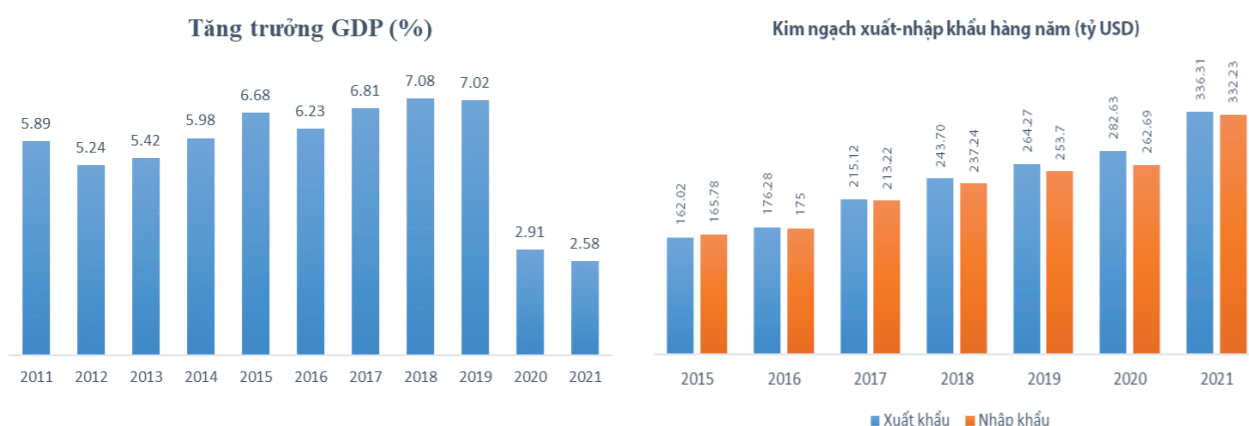
II. Triển vọng kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán 2022

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

I. Kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam 2021

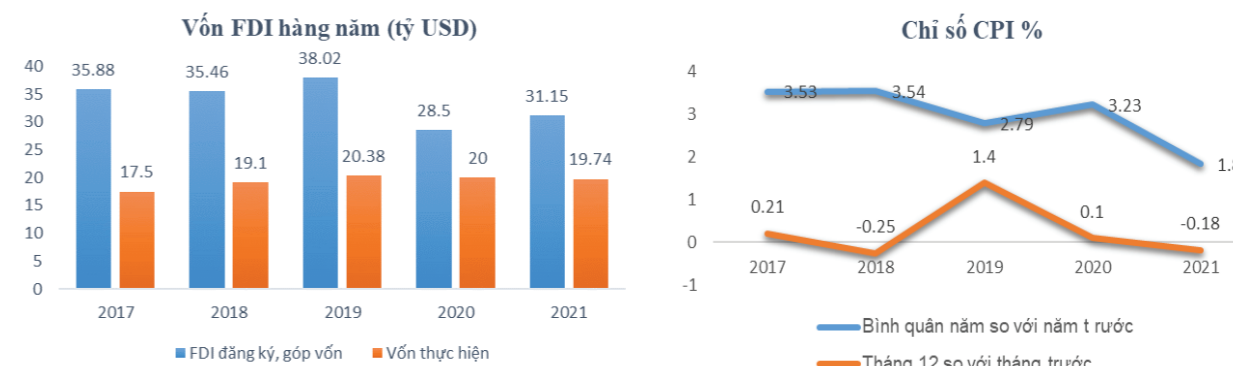
1. Kinh tế Việt Nam 2021

Năm 2021, làn sóng COVID-19 lần thứ 4 khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khi biến thể Delta và sau đó là biến thể Omicron khiến nhiều nước trên thế giới “chao đảo”, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương, đặc biệt, quý IV có sự hồi phục đáng kể. Tính chung cả năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Tuy nhiên, xuất khẩu cả năm 2021 lại thêm một lần làm nên kỳ tích. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2021 đạt 336,31 tỷ USD, tăng 19% so với năm trước, không những vượt kỷ lục 282,65 tỷ USD của cả năm 2020, mà còn đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế có quy mô xuất khẩu đứng thứ 22 trên thế giới.



Nguồn: GSO

Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020. Chỉ số tiêu dùng (CPI) năm 2021 chỉ tăng 1,84% so với năm trước và là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016, đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Lạm phát được kiểm chế, tỷ giá ít biến động đã giúp cho Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đạt trên 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Đại dịch đã ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm phía nam, tuy nhiên trong thời điểm khó khăn này, các nhà đầu tư hàng đầu của Mỹ, Hàn Quốc, EU... vẫn khẳng định cam kết tiếp tục đầu tư vào Việt Nam.



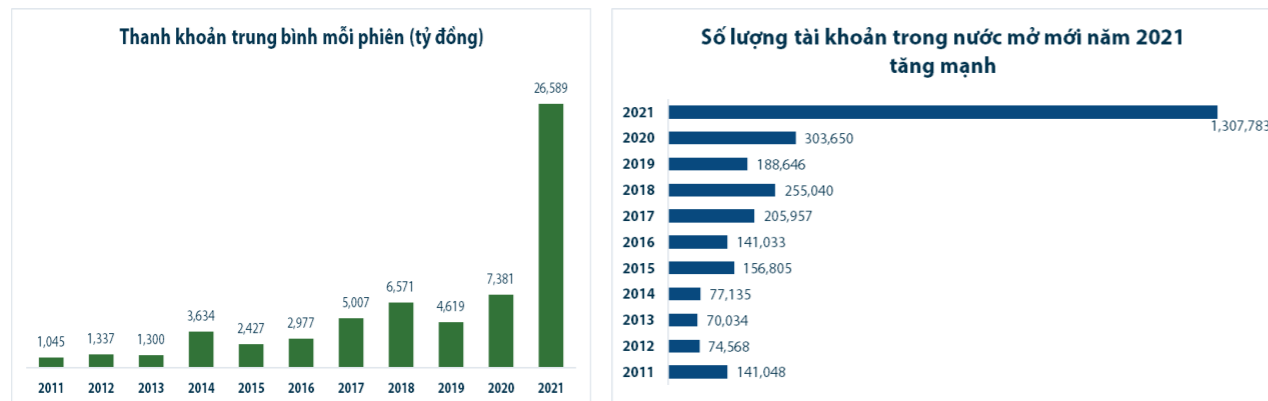
Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, Chính Phủ đã đưa ra các giải pháp tài khóa hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 có quy mô ước tính là 185.984 tỷ đồng, tương đương 2,2% GDP; các chính sách miễn, giảm cước phí viễn thông, học phí, tiền điện và chi hỗ trợ từ các quỹ bảo hiểm với tổng quy mô 83.480 tỷ đồng. Như vậy, tổng quy mô các chính sách chi hỗ trợ từ tài khóa và ngoài tài khóa là 269.464 tỷ đồng, tương đương 3,2% GDP. Ngân hàng Nhà nước cũng đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi.

Bên cạnh những điểm sáng, kinh tế Việt Nam năm 2021 không thể tránh khỏi những tổn thất nặng nề khi Covid-19 bùng phát trở lại. Sản xuất kinh doanh đình trệ, tỷ lệ doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động, đóng cửa tăng đột biến, vượt qua con số doanh nghiệp thành lập mới. Ngành nghề bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất là dệt may, da giày, xây dựng, du lịch, vận tải, kho bãi, lưu trú, ăn uống, dịch vụ bán lẻ, giáo dục-đào tạo... Sự đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng khiến tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 3,98% trong quý III, vượt xa con số 2% như thông lệ và là mức cao chưa từng thấy.

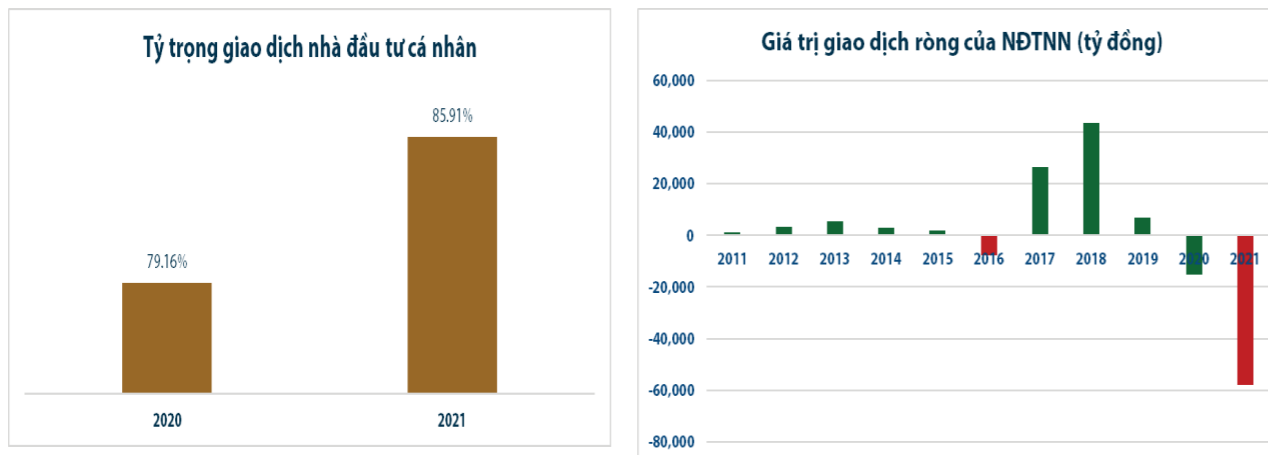


2. Thị trường chứng khoán Việt Nam 2021

Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng duy trì ở mức thấp, nhiều kênh đầu tư khác gặp trở ngại do dịch bệnh đã giúp TTCK gia tăng lực hấp dẫn đối với dòng tiền. Thị trường chứng khoán nhờ đó đã có sự bứt phá mạnh mẽ trong năm 2021, mặc dù có những nhịp điều chỉnh do tác động của đại dịch, khi xuất hiện biến chủng virus COVID-19 mới Delta và Omicron. Tính chung cả năm 2021, VN-Index đã tăng gần 36% so với thời điểm cuối năm 2020 và lọt Top 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu tính đến ngày 28/12 đạt 7.729 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP. Một dấu ấn nổi bật trong năm qua là việc chính thức đưa vào vận hành hệ thống giao dịch mới của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HoSE) kể từ đầu tháng 7/2021. Với hệ thống giao dịch mới, thanh khoản thị trường đã được cải thiện và xác lập những kỷ lục mới. Giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 26.589 tỷ đồng/phiên, tăng 260% so với năm 2020.



Nguồn: VSD, BOS tổng hợp



Năm 2021, TTCK chứng kiến số lượng tài khoản đầu tư chứng khoán gia tăng kỷ lục. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt 4,3 triệu tài khoản, tăng 55,5% so với cuối năm 2020; trong đó, số lượng nhà đầu tư trong nước chiếm đến 99% tổng số lượng tài khoản đầu tư toàn thị trường. Giao dịch nhà đầu tư cá nhân chiếm 85,9% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Nhờ đó, dù khối ngoại bán ròng cao hơn 4 lần lượng bán ròng cả năm 2020 nhưng đều được khối nội hấp thụ và không tác động nhiều đến tâm lý nhà đầu tư như nhiều năm trước.

Giao dịch khối ngoại trong năm 2021 ghi nhận giá trị bán ròng 62.358 tỷ đồng, trong đó bán ròng 74.313 tỷ đồng trên kênh khớp lệnh, còn họ mua ròng 11.955 tỷ đồng qua thoả thuận. Đây là con số bán ròng kỷ lục của khối ngoại, cao hơn số bán ròng của khối ngoại trong cả năm 2020 (18.794 tỷ đồng). Tính chung lại từ khi dịch Covid-19 bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam (từ đầu năm 2020), tổng lượng bán ròng của khối nhà đầu tư ngoại đã đạt ngưỡng 81.152 tỷ đồng, tương đương hơn 3,5 tỷ USD bị rút ra khỏi thị trường. Tuy nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài đã đẩy mạnh đầu tư vào các quỹ ETF, đặc biệt là các quỹ ETF nội địa. Trong năm 2021, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF bình quân của khối ngoại đạt trên 8,06 triệu chứng chỉ quỹ/ngày với giá trị giao dịch bình quân đạt 175,56 tỷ đồng/ngày, tương ứng tăng 79,84% về khối lượng và tăng 193,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng giao dịch ETF của khối ngoại chiếm 64,80% toàn thị trường. Lũy kế 12 tháng khối ngoại mua ròng trên 4,5 nghìn tỷ đồng.

Cùng với đó, các mảng thị trường khác như trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm và TTCK phái sinh cũng có nhiều diễn biến tích cực theo hướng tăng trưởng trong năm 2021. Thị trường chứng khoán phái sinh đón nhận thêm sản phẩm hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Nếu trong năm 2020 chỉ có 18 hợp đồng của sản phẩm hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm thì sang năm 2021, thị trường đón đã đón nhận thêm hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Việc triển khai sản phẩm HĐTL TPCP kỳ hạn 10 năm được kỳ vọng sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trên thị trường.

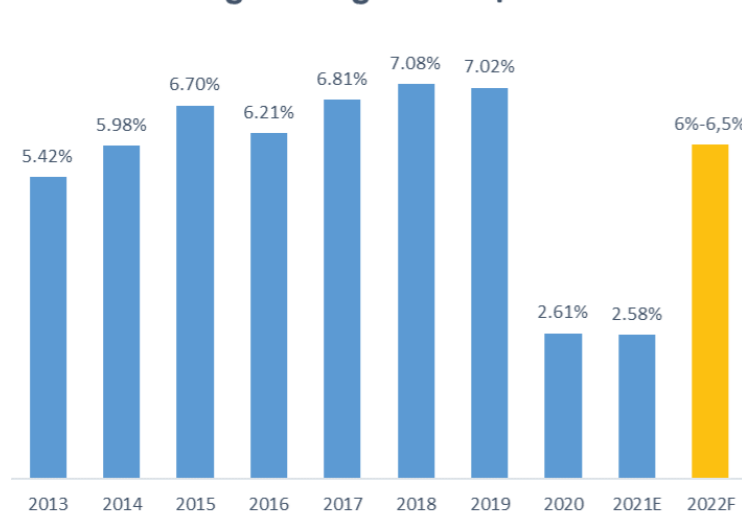
Năm 2021 cũng chứng kiến “làn sóng” tăng vốn của các doanh nghiệp niêm yết với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán đạt hơn 16.330 triệu cổ phiếu (tương ứng giá trị hơn 177 nghìn tỷ đồng), tăng gấp 2,1 lần so với cùng kỳ năm 2020. Nhiều công ty chứng khoán gặp áp lực về vốn trong bối cảnh quy mô thị trường cũng như số lượng nhà đầu tư tăng nhanh, trong khi vốn điều lệ của đa số công ty chưa đáp ứng kịp nhu cầu của thị trường. Vì vậy, năm 2021 chứng kiến làn sóng tăng vốn mạnh mẽ của khối doanh nghiệp ngành chứng khoán.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

II. Triển vọng kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán 2022

Theo dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín, Việt Nam được đánh giá có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% trong năm 2022 trong bối cảnh dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế. Nếu việc kiểm soát phòng chống dịch bệnh thực hiện chậm, chưa thực sự có hiệu quả, thì tốc độ tăng trưởng GDP của năm 2022 chỉ từ 5-5,5%. Các yếu tố được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế năm 2022 gồm:

Tăng trưởng GDP Việt Nam



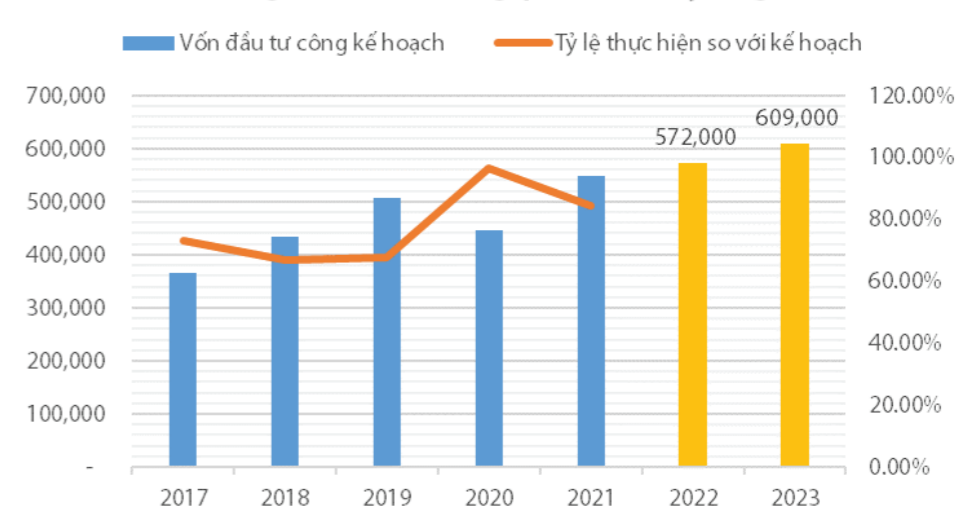
- Tỷ lệ bao phủ vaccine Việt Nam ở mức cao (tính đến 11/03, 81,14% dân số được bao phủ ít nhất 1 liều vaccine) sẽ giúp các quy định giãn cách xã hội dần được nới lỏng. Qua đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ được kỳ vọng sẽ bắt đầu hồi phục từ năm 2022.

- Xuất khẩu tiếp tục là động lực lớn của nền kinh tế trong năm 2022: Nhiều FTA thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA), Hiệp định song phương Việt Nam - Hoa Kỳ và tới đây là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) vẫn là đòn bẩy, cú hích đáng kể cho thương mại hàng hóa Việt Nam với các thị trường hàng đầu thế giới.

- Tăng trưởng FDI mạnh mẽ trở lại: Trong khi tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) của nhiều nơi trên thế giới có dấu hiệu suy giảm mạnh do ảnh hưởng từ dịch COVID-19, thì hoạt động thu hút FDI của Việt Nam trong năm qua vẫn được duy trì ổn định so với các năm trước đây. Năm 2022, dòng vốn FDI vào Việt Nam được kỳ vọng sẽ khởi sắc trở lại nhờ những chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn và chủ trương mở cửa trở lại nền kinh tế sau hai năm đóng cửa bởi dịch bệnh Covid-19, các hiệp định FTA đã ký kết, vị trí địa lý lý tưởng, cơ cấu dân số trẻ, cùng các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ...

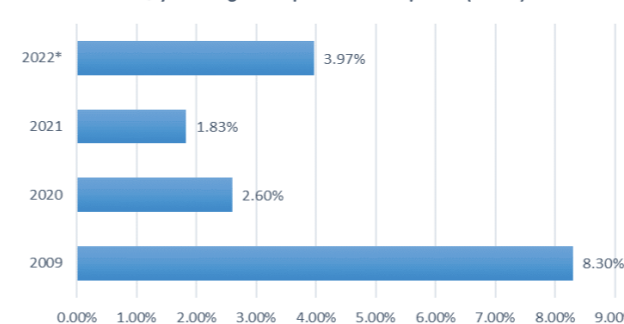
- Đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công: Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 sẽ tăng 14% so với kế hoạch năm 2021 lên 572.000 tỷ đồng và Chính phủ đặt mục tiêu tỷ lệ giải ngân thực tế/kế hoạch đạt trên 90%. Điều này sẽ có tác động kích cầu đầu tư để phục hồi tăng trưởng. Tổng cục thống kê ước tính nếu đầu tư công tăng thêm 1% YoY thì GDP sẽ tăng thêm 0.058%.

Giải ngân vốn đầu tư công qua các năm (tỷ đồng)

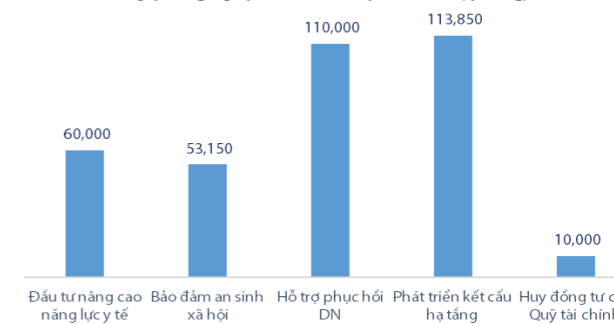


- Gói hỗ trợ là đòn bẩy tăng trưởng kinh tế: Quy mô gói kích thích kinh tế năm 2022 gần 350.000 tỷ đồng, tương đương 3,97% GDP năm 2021, bao gồm các giải pháp hỗ trợ lãi suất, tăng chi đầu tư công, giảm thuế, phí, lệ phí. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ước tính gói kích thích này sẽ giúp tăng trưởng GDP tăng thêm 2,9% trong năm 2022 và 0,2% trong năm 2023, tạo điều kiện hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 6,5% - 7%/năm giai đoạn 2021 - 2025.

Quy mô các gói hỗ trợ kinh tế của Việt Nam (% GDP)



Quy mô gói phục hồi kinh tế dự kiến 2022 (tỷ đồng)



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Quá trình phục hồi kinh tế Việt Nam năm 2022 tuy có những thuận lợi, cơ hội nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, đặc biệt là biến chủng mới Omicron tiếp tục phủ nổi lo lên nền kinh tế toàn cầu. Động thái thu hẹp chương trình nới lỏng định lượng của Fed, lo lắng về khả năng lạm phát, tình hình chính trị châu Âu biến động, giá lương thực, thực phẩm cao kỷ lục...đang tạo ra áp lực lớn lên sự hồi phục của nền kinh tế trong nước. Nguy cơ bất ổn vĩ mô có thể xuất hiện từ hệ thống tài chính do nợ xấu tăng, bong bóng tài sản (đất đai, trái phiếu, thị trường chứng khoán). Việc phục hồi sản xuất, kinh doanh có thể bị cản trở, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại nền kinh tế.

2. Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022

Năm 2022 được đánh giá tiếp tục là một năm khó khăn, phức tạp của nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Do vậy, TTCK trong nước có khả năng đối mặt với nhiều diễn biến phức tạp, tăng giảm mạnh đan xen, xuất phát từ nhiều yếu tố, cả từ trong và ngoài nước. Trong đó có nhiều nhiều yếu tố tích cực được kỳ vọng sẽ hỗ trợ TTCK năm 2022, cụ thể:

- Nền kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục được cải thiện: Tốc độ tiêm vắc xin tăng nhanh và chiến lược sống chung với COVID-19 sẽ giúp nền kinh tế phục hồi trên diện rộng trong năm 2022. GDP năm 2022 của Chính phủ nằm trong khoảng 6%-6,5% và CPI tăng khoảng 4% là khả thi với điều kiện gói kích thích kinh tế được giải ngân có hiệu quả. Ở kịch bản lạc quan hơn, tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể vượt mức 7% trong năm nay. Dựa trên triển vọng hồi phục khả quan của kinh tế Việt Nam, thị trường chứng khoán được kỳ vọng sẽ có diễn biến tích cực trong năm 2022. Tuy nhiên, thị trường có thể diễn biến thận trọng trong nửa đầu năm, do ảnh hưởng từ các lo ngại về lạm phát cao, lãi suất tăng, tiêu dùng nội địa yếu và tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp thấp.

- Lãi suất dự báo được duy trì ở mức thấp trong 6 tháng đầu năm: Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế-xã hội. Trong bối cảnh thế giới tăng lãi suất, nhu cầu tín dụng và áp lực lạm phát tăng lên có thể khiến mặt bằng lãi suất tăng nhẹ trong 6 tháng cuối năm 2021. Mặt bằng lãi suất huy động có thể tăng nhẹ 30-50 điểm cơ bản trong năm 2022, tuy nhiên vẫn thấp hơn đáng kể so với mặt bằng lãi suất trước đại dịch. Yếu tố này sẽ là một động lực quan trọng thúc đẩy đà tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp được cải thiện: Lợi nhuận của các công ty niêm yết năm 2022 dự báo sẽ tăng khoảng từ 15-20% so với 2021. Tuy nhiên, các ngành tiếp tục có sự phân hóa, trong đó, những ngành được hưởng lợi từ sự hồi phục của nền kinh tế như bán lẻ, hàng tiêu

dùng, bất động sản khu công nghiệp, xây dựng & vật liệu xây dựng...sẽ có sự tăng trưởng vượt bậc. Tăng trưởng lợi nhuận cao là động lực chính thúc đẩy sự tăng giá của thị trường chứng khoán.

- Năng lực thị trường sẽ cải thiện nhờ hệ thống công nghệ mới của KRX: Hệ thống KRX dự kiến sẽ sớm được triển khai trong năm 2022. Hệ thống giao dịch này được kỳ vọng sẽ đáp ứng được nhu cầu giao dịch ngày càng lớn của thị trường, khắc phục hiện tượng tắc, nghẽn lệnh mỗi khi nhu cầu giao dịch tăng đột biến. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng mới hiện đại sẽ cung cấp nền tảng cần thiết để triển khai một loạt các sản phẩm mới như giao dịch trong ngày, bán chứng khoán chờ về, chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết...

- Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới liên tục gia tăng: Hiện tại, số lượng người có tài khoản chứng khoán mới chiếm khoảng 4,7% dân số, cho thấy TTCK Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước.

Tuy nhiên, dù tiến độ tiêm chủng để sớm đạt miễn dịch cộng đồng được đẩy mạnh, nhưng nguy cơ bùng phát vẫn hiện hữu. Sự xuất hiện của các biến thể Covid-19 mới có thể sẽ đe dọa đến sự hồi phục kinh tế trong nước. Sự gián đoạn chuỗi cung ứng khiến giá nguyên liệu đầu vào tăng, gây ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết. Mức dư nợ giao dịch ký quỹ toàn thị trường tăng nhanh trong thời gian qua, cùng với việc nhà đầu tư cá nhân tăng tỉ trọng trên TTCK cũng tiềm ẩn rủi ro cho thị trường khi tính ổn định của dòng vốn chưa cao. Ngoài ra, trong bối cảnh kinh tế bắt đầu phục hồi khi dịch bệnh được kiểm soát, dòng tiền sẽ có xu hướng dịch chuyển nhiều hơn vào hoạt động sản xuất – kinh doanh. TTCK khi đó khó có thể đạt mức tăng trưởng ấn tượng như năm 2021.

Bên cạnh các yếu tố rủi ro trong nước, TTCK Việt Nam trong năm 2022 cũng phải đối mặt với nhiều thách thức từ bên ngoài khi tình hình kinh tế - chính trị thế giới trong năm 2022 được dự báo tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Trước khả năng dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khả năng Chính phủ các nước cắt giảm các biện pháp kích thích kinh tế trong bối cảnh áp lực lạm phát tăng cao, kinh tế thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại trong năm 2022. Mặt bằng lãi suất tăng có thể sẽ là lực cản chính đối với TTCK đang được đánh giá hấp dẫn trong môi trường lãi suất thấp. Mặt khác, việc điều chỉnh tăng lãi suất tại các thị trường lớn như Mỹ, Anh có thể sẽ khiến dòng vốn dịch chuyển từ các thị trường mới nổi trở lại các thị trường phát triển. Ngoài ra, bất ổn kinh tế - chính trị trên thế giới cũng ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường, có thể dẫn đến các phiên điều chỉnh trên TTCK.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2021

- I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự bứt phá mạnh mẽ của TTCK cùng với quá trình đổi mới suốt 3 năm qua đã giúp BOS gia tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2021. Tổng doanh thu năm 2021 đạt 94,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 37,1 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	KH 2021	TH 2021
Tổng doanh thu	160	94,5
Lợi nhuận trước thuế	50	37,1

Dù chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế không đạt được kế hoạch đề ra nhưng đã có những bước tiến vững chắc hơn trong năm 2021, cụ thể:

- Ổn định hoạt động công ty trong bối cảnh áp dụng lệnh cách ly toàn xã hội: Hệ thống làm việc từ xa một lần nữa được kích hoạt khi Hà Nội thực hiện giãn cách toàn xã hội từ tháng 7/2021. Các hoạt động của công ty vẫn được đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, không để xảy ra sai sót nào trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

- Phát triển khối Môi giới theo chiều rộng và chiều sâu: Sau 3 năm đẩy mạnh hoạt động môi giới, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động môi giới tiếp tục gia tăng khi đạt 35,36 tỷ đồng, chiếm 37,8% tổng doanh thu hoạt động. Tất cả các cán bộ môi giới đều được đào tạo bài bản về chuyên môn, kỹ năng mềm nhằm đảm bảo tác phong chuyên nghiệp khi phục vụ khách hàng. Với nền tảng công nghệ hiện đại và các dịch vụ hỗ trợ đa dạng đi kèm, số lượng tài khoản mở mới năm 2021 đạt hơn 1.000 tài khoản, nâng tổng số tài khoản khách hàng tại BOS hơn 11.000 tài khoản.

- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp: Dù doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu hoạt động nhưng đã có sự tăng trưởng liên tục kể từ khi thành lập khối. Tệp khách hàng được mở rộng với nhiều đối tác lớn như CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại, CTCP Công Nghệ DSS Việt Nam, CTCP Tập đoàn Sơn Đại Việt, CTCP Cổng Trung gian thanh toán Ngân Lượng, CTCP Tập đoàn TLC Việt Nam, CTCP Đầu tư ALPHA-NAM, ...

- Hoạt động tư doanh và đầu tư: Năm 2021, BOS tiếp tục ưu tiên phân bổ vốn cho các hoạt động đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết với tiềm năng tăng giá mạnh trong 1 năm tới.

- Dịch vụ chứng khoán: BOS luôn không ngừng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ để đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất. Các cán bộ nhân viên đều được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ và không ngừng nâng được cao đạo đức nghề nghiệp.

- Tư vấn và phân tích đầu tư: Các báo cáo phân tích chuyên sâu về thị trường chứng khoán, nền kinh tế, các sự kiện tác động tới thị trường...luôn được chú trọng nâng cao chất lượng nội dung

nhằm cung cấp tới khách hàng những đánh giá chuyên sâu, toàn diện, bám sát diễn biến thị trường. Hoạt động tư vấn đầu tư từ đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm tiếp tục được đẩy mạnh, đã giúp khách hàng tăng hiệu quả đầu tư.

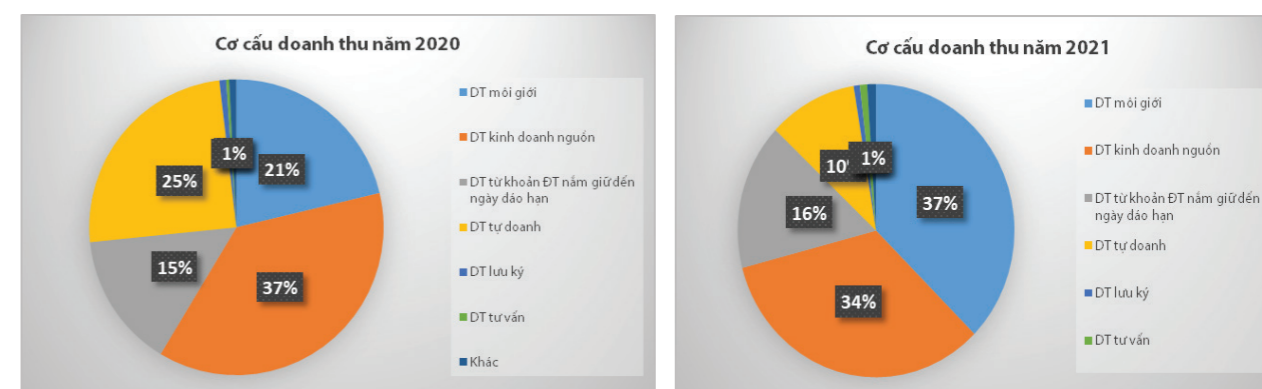
- Quản trị rủi ro: Hoạt động quản trị rủi ro luôn được tuân thủ ở tất cả các khâu nghiệp vụ, qua đó giúp BOS hạn chế tối đa thiệt hại tài chính cho khách hàng và công ty. Các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn được đảm bảo và không để xảy ra sai sót trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ.

- Công nghệ thông tin: Giao dịch trực tuyến luôn được đảm bảo tốc độ nhanh, ổn định và chính xác cao trên các ứng dụng Web BOS-Trading, BOS-Pro và BOS-Mobi. Mở tài khoản trực tuyến Ekyc giúp khách hàng có thể mở tài khoản giao dịch từ xa, đã đem đến sự nhanh chóng, tiện lợi, an toàn cho khách hàng, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp.

- Nhân sự: Đội ngũ nhân sự của BOS luôn không ngừng được nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp thông qua các lớp đào tạo chuyên sâu và kỹ năng nghiệp vụ. Các hoạt động tập thể như teambuilding, nghỉ mát...thường xuyên được tổ chức để tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, tăng tính đoàn kết giữa các thành viên.

Cơ cấu doanh thu theo bộ phận

Cơ cấu doanh thu



Cơ cấu doanh thu năm 2021 đã có sự thay đổi đáng kể khi doanh thu Hoạt động môi giới đạt 35,36 tỷ đồng, tăng 8,9% so với năm 2020 và chiếm tỷ trọng cao nhất với tỷ lệ 37% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn đứng vị trí thứ hai và chiếm 34% tổng doanh thu.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2020	31/12/2021
Tổng nợ/Nguồn vốn	1,05 %	1,19%
Khả năng thanh toán ngắn hạn	89,4%	81,03%
Chỉ tiêu an toàn tài chính	438,04%	434,83%

Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn của BOS ở mức thấp so với trung bình ngành. Do không có các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn nên BOS không chịu áp lực về chi phí tài chính và luôn chủ động về vốn trong hoạt động kinh doanh. Chỉ tiêu an toàn tài chính duy trì ở mức cao qua nhiều năm.

Kết quả kinh doanh năm 2021



Tổng chi phí năm 2021 giảm 62% so với năm 2020. Chi phí hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của BOS với tỷ lệ 77,4%, chi phí quản lý chiếm 22,2%, chi phí khác chiếm 0,4%.

Định hướng kinh doanh năm 2022

Không ngừng gia tăng thị phần môi giới đi kèm các sản phẩm, dịch vụ gia tăng có chất lượng cao luôn được Ban lãnh đạo chú trọng phát triển để từng bước nâng cao vị thế của BOS trên thị trường. Để đạt được mục tiêu trên, Ban Tổng Giám đốc đề ra các nhiệm vụ cụ thể của năm 2022 như sau:

- **Ổn định nguồn nhân lực có chất lượng cao:** Trong bối cảnh cạnh tranh nguồn nhân lực ngày càng gay gắt, đặc biệt là từ các công ty chứng khoán vốn ngoại, BOS tiếp tục xây dựng cơ chế và chính sách đãi ngộ cạnh tranh để thu hút thêm nguồn nhân lực mới có chất lượng cao cũng như duy trì sự ổn định hệ thống nhân lực hiện tại.
- **Gia tăng thị phần chứng khoán cơ sở và phái sinh:** BOS sẽ tiếp tục bổ sung thêm cán bộ môi giới và cộng tác viên có chất lượng cao, đi kèm các chính sách đãi ngộ cạnh tranh với mục tiêu

nâng tổng số tài khoản của khách hàng lên trên 12.000 tài khoản. Các lớp đào tạo liên tục được triển khai cho các cán bộ môi giới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ. Các dịch vụ hỗ trợ khối môi giới như sản phẩm phân tích, tư vấn đầu tư, cho vay ký quỹ... sẽ tiếp tục được chú trọng phát triển để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

- **Tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ đầu tư:** Các sản phẩm phân tích thị trường cơ sở, thị trường phái sinh, doanh nghiệp, kinh tế vĩ mô... tiếp tục được đa dạng hóa, cập nhật liên tục và không ngừng được nâng cao chất lượng. Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư như dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ hỗ trợ tài chính,... theo hướng chuyên sâu, đa dạng, linh hoạt để phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng.

- **Đảm bảo vận hành ổn định hệ thống công nghệ thông tin:** Hệ thống KRX dự kiến sẽ được triển khai trong năm 2022. Do vậy, đảm bảo hoạt động ổn định hệ thống công nghệ thông tin, giao dịch diễn ra thông suốt, tốc độ cao, an toàn và chính xác trong quá trình kết nối hệ thống mới sẽ là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong năm 2022.

- **Tiếp tục đẩy mạnh dịch vụ Ngân hàng đầu tư:** Với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng, BOS luôn không ngừng nỗ lực mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất từ tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn tái cấu trúc... Trong đó, BOS tiếp tục tập trung hướng tới vị thế nhà tạo lập, định hướng vào các sản phẩm tư vấn cấu trúc tài chính, góp phần mang lại nhiều giá trị cho khách hàng và đối tác.

- **Tăng cường quản trị rủi ro:** Trong bối cảnh thị trường được dự báo sẽ có nhiều biến động trong năm 2022, hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được nâng cao để hạn chế rủi ro thị trường xuất phát từ bên ngoài, cũng như rủi ro xuất phát từ nội bộ công ty. BOS sẽ liên tục rà soát, giám sát các hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật, giám sát tỷ lệ an toàn tài chính, đảm bảo hoạt động ổn định và lành mạnh về tài chính.



1. Đánh giá tình hình hoạt động công ty năm tài chính 2021

Làn sóng dịch Covid 19 lần thứ 4 với sự xuất hiện của biến thể Delta có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của nền kinh tế cũng như đời sống và sự an toàn của người dân. Dịch tấn công nhiều tỉnh/thành phố có mật độ dân cư cao, là đầu mối giao thông huyết mạch của cả nước, xâm nhập vào khu kinh tế trọng tâm phía Bắc và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nhiều địa phương thực hiện giãn cách và tăng cường giãn cách xã hội, áp dụng các biện pháp chưa từng có tiền lệ, trên phạm vi rộng. Đến đầu tháng 10/2021, nước ta đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh, từng bước mở cửa trở lại. Việt Nam đã nhanh chóng chuyển từ chiến lược "Zero Covid" sang "Thích ứng linh hoạt với Covid". Kết quả là nền kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực. Kinh tế đất nước từ mức tăng trưởng âm trong quý 3 (-6,02%) đã khởi sắc trong quý 4 (+5,22%) với nhiều điểm sáng. Đây là một thành công lớn trong hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo về chống dịch. Nhờ đó, Việt Nam vẫn duy trì và củng cố nền tảng vĩ mô ổn định khi tình hình thế giới và khu vực biến động mạnh.

Dù chịu tác động từ đại dịch Covid-19 nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 đã chứng kiến sự tăng trưởng ngoạn mục. Chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới, đỉnh cao nhất là vào ngày 25/11 khi VN-Index chạm mốc 1.500,81 điểm. Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ và tăng mạnh nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt thị trường. Thanh khoản tăng 260% so với năm 2020, ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục 2,3 tỷ USD, xếp thứ 2 trong Đông Nam Á. Trong bối cảnh đó, BOS đã đưa ra những thay đổi phù hợp trong cơ chế vận hành theo sự biến động của nền kinh tế và TTCK, cụ thể:

- Đảm bảo vận hành ổn định các hoạt động của công ty trong bối cảnh áp dụng lệnh cách ly toàn xã hội khi dịch Covid-19 bùng phát từ tháng 7/2021;
- Triển khai dịch vụ mở tài khoản trực tuyến Ekyc, giúp khách hàng tạo tài khoản chứng khoán trực tuyến ngay trên thiết bị di động mà không cần tới các điểm giao dịch;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm; cải tiến quy trình xử lý nghiệp vụ để rút ngắn thời gian xử lý nghiệp vụ;
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch;
- Tổ chức thực hiện, chỉ đạo triển khai và hoàn thành các công việc được ĐHĐCĐ giao.

Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty năm 2021

Về kế hoạch kinh doanh: Doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt lần lượt là 94,5 tỷ đồng và 37,1 tỷ đồng, tương đương 59,1% và 74,2% so với kế hoạch đề ra. Với những bước đi thận trọng, mặc dù hoạt động kinh doanh năm 2021 không đạt kế hoạch đề ra, nhưng lợi nhuận ròng cả năm đã được cải thiện đáng kể so với năm 2020 và BOS đã không để phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ xấu.

Về kế hoạch tăng vốn: HĐQT đã triển khai thực hiện và nộp hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 27/04/2021 lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCK NN). Hiện tại, hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ của BOS đang được UBCK NN xem xét và chờ phê duyệt.

Về công tác quản trị rủi ro: BOS đã tiến hành rà soát lại quy trình nghiệp vụ, đảm bảo thích ứng nhanh với sự phát triển của thị trường và chế độ làm việc từ xa trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng

phát trở lại. Công tác giám sát chặt chẽ trong quá trình triển khai nghiệp vụ luôn được tăng cường, đã giúp BOS không phát sinh các sự cố gây thiệt hại cho khách hàng.

Công tác nhân sự: BOS liên tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn tại chỗ để bổ sung, cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ nhân viên. Nhờ đó, sự tin nhiệm của khách hàng dành cho BOS không ngừng gia tăng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ: BOS luôn không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất. Các báo cáo phân tích, hoạt động tư vấn đầu tư đã nhận được sự quan tâm và đánh giá cao nhà đầu tư. Hệ thống giao dịch trực tuyến ổn định, tốc độ nhanh, chính xác đi kèm với các dịch vụ hỗ trợ đầu tư cho khách hàng đã giúp khách hàng gia tăng hiệu quả đầu tư.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban TGDĐ đã chủ động tổ chức, thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro.

Hiệu quả kinh doanh được cải thiện, số lượng tài khoản mở mới tiếp tục gia tăng cho thấy sự đúng đắn của chiến lược không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm và đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng công nghệ thông tin của Ban điều hành trong những năm vừa qua.

2. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

Năm 2021 là một năm đầy thách thức khi việc đóng cửa khiến tăng trưởng GDP của Việt Nam giảm còn 2,58%. Chiến lược "Thích ứng linh hoạt với Covid" đã giúp nền kinh tế Việt Nam dần hồi phục trở lại vào cuối năm 2021. Nhiều tổ chức quốc tế uy tín thế giới đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế. Kinh tế vĩ mô và sức khỏe doanh nghiệp sẽ tiếp tục phục hồi, nên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 vẫn được dự báo tích cực. Mặt khác, việc nâng hạng lên thị trường mới nổi MSCI của Việt Nam sớm hơn dự kiến cũng giúp thị trường có dư địa tăng giá. Tuy nhiên, thị trường có thể diễn biến thận trọng, do ảnh hưởng từ các lo ngại về lạm phát cao, lãi suất tăng, tiêu dùng nội địa yếu và tăng trưởng lợi nhuận thấp. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị đặt ra tổng doanh thu mục tiêu năm 2022 là 104 tỷ, lợi nhuận trước thuế 41 tỷ. Để đạt được mục tiêu trên, HĐQT đưa ra các giải pháp cụ thể sau:

- Tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ sau khi được UBCK NN chấp thuận;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, phân bổ vốn hợp lý cho các hoạt động kinh doanh;
- Xây dựng đội ngũ nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn cao, có tâm với nghề;
- Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Đảm bảo vận hành ổn định, liên tục, tốc độ, chính xác hạ tầng công nghệ thông tin;
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao thương hiệu, hình ảnh của Công ty.

HĐQT rất mong nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cũng như tâm huyết của Quý Cổ đông.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung - dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS là trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam.

Dựa trên nguyên tắc phát triển An toàn - Linh hoạt - Hiệu quả, định hướng phát triển của chúng tôi gồm:

- ✓ Phát triển sản phẩm, dịch vụ truyền thống, đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm, giải pháp tài chính sáng tạo theo mô hình ngân hàng đầu tư;
- ✓ Vận hành và phát triển hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, tiên tiến, đảm bảo tương thích và giao dịch thông suốt;
- ✓ Xây dựng cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ và hiệu quả: bám sát đặc điểm vận động của thị trường ở các chu kỳ và giai đoạn phát triển khác nhau;
- ✓ Xây dựng mối quan hệ mật thiết và rộng lớn với các Công ty chứng khoán, các định chế tài chính trong và ngoài nước, sẵn sàng hợp tác và chia sẻ vì lợi ích khách hàng;
- ✓ Nhân sự tinh gọn, chất lượng cao và định hướng hiệu quả công việc. Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, xây dựng và công bố minh bạch cơ chế thưởng phạt căn cứ trên kết quả kinh doanh;
- ✓ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trẻ, nhiệt huyết và thân thiện, gắn bó và tương trợ;
- ✓ Xây dựng hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng để quảng bá hình ảnh về một tổ chức thân thiện, đáng tin cậy.

Kế hoạch kinh doanh 2022

Đại dịch COVID-19 diễn biến còn rất phức tạp khi việc xuất hiện những biến chủng mới có thể tác động đến chuỗi cung ứng, khiến giá nguyên liệu đầu vào tăng, gây ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết vốn đang có xu hướng chững lại. Các lo ngại về lạm phát cao, lãi suất tăng, tiêu dùng nội địa yếu... là những yếu tố sẽ khiến thị trường có thể diễn biến thận trọng hơn. Xu hướng dịch chuyển dòng tiền vào hoạt động sản xuất – kinh doanh sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền vào TTCK. Do đó, TTCK năm 2022 dù vẫn được hỗ trợ bởi triển vọng hồi phục kinh tế tích cực nhưng sẽ khó đạt mức tăng trưởng như năm 2021 và bước vào giai đoạn bền vững hơn.

Trên cơ sở đó, Ban Điều hành xác định mục tiêu dài hạn là tiếp tục phát triển và mở rộng thị phần, cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho nhà đầu tư với mức phí cạnh tranh. Việc định hình theo mô hình ngân hàng đầu tư dựa trên nền tảng vốn và quản trị rủi ro chuyên nghiệp sẽ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường và nhà đầu tư. Ban Điều hành đề ra các chỉ tiêu kinh doanh kế hoạch năm 2022, cụ thể:

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	KH 2022 (tỷ VNĐ)	TH 2021 (tỷ VNĐ)
1	Doanh thu	104	94,5
2	Chi Phí	63	57,4
3	Lợi nhuận trước thuế	41	37,1

Để thực hiện các mục tiêu trên, Ban Điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện như sau:

- Phân bổ vốn hợp lý, ưu tiên tối đa nguồn vốn hỗ trợ hoạt động môi giới, dịch vụ chứng khoán;
- Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ nhân sự cạnh tranh để ổn định hệ thống nhân sự hiện tại và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao;
- Đẩy mạnh công tác mở rộng hệ thống mạng lưới cộng tác viên, môi giới đi kèm các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Không ngừng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ đầu tư cho khách hàng;
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro ở tất cả các nghiệp vụ.



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS xác định việc gắn liền hoạt động kinh doanh với các hoạt động xã hội là trách nhiệm, đạo đức và cũng là nền tảng văn hóa của Công ty.

Chúng tôi tin rằng, để góp phần phát triển ngành nghề chứng khoán trước hết phải thúc đẩy môi trường làm việc tích cực và cổ vũ lối sống tích cực của đội ngũ nhân viên trong công việc, trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong bước đường sự nghiệp của họ sau này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS xác định chiến lược phát triển dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường công tác đào tạo, phát triển và nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, đồng thời chú trọng đầu tư chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần để tạo động lực và cơ hội cho nhân viên phát huy hết khả năng, phát triển bản thân và cống hiến cho Công ty.

Trách nhiệm đối với ngành chứng khoán

Với mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS đã tích cực hỗ trợ và nâng cao kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng các nhà đầu tư, thông qua các bài viết trên website và các hoạt động giao lưu, xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa cộng đồng nhà đầu tư với các doanh nghiệp, đơn vị thành viên thị trường và cơ quan quản lý.

Công ty cổ phần Chứng khoán BOS sẵn sàng chia sẻ, đóng góp không chỉ những ý kiến và phản biện với tư cách là một thành viên thị trường, mà còn là trung gian tiếp nhận và phản hồi tiếng nói của nhà đầu tư với các cơ quan chức năng, góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng phát triển. Chúng tôi thường xuyên chủ động đóng góp kiến thức với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sàn giao dịch và VSD trong việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và phát triển các sản phẩm mới trong tương lai.

Trách nhiệm với cộng đồng

Chúng tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong xã hội đã trở thành nét đẹp văn hóa của Công ty trong các năm qua.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

NỘI DUNG

◆ Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	52 - 55
◆ Báo cáo kiểm toán	56 - 57
◆ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	58 - 93
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	58 - 61
Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021	62 - 63
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021	64 - 65
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2021	66
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021	67 - 93
◆ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	94 - 117
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	96 - 98
Báo cáo kiểm toán	99 - 101
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán	102 - 117

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ công ty; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS; Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất ngày 30 tháng 6 năm 2021. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 6 năm 2021: 969.225.090.000 VND.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Môi giới và tự doanh Chứng khoán phái sinh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 58 đến trang 93).

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch
Ông Chu Tiến Vượng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Lê Bá Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Vũ Thị Hương	Trưởng ban	
Bà Phan Thị Bích Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Đăng Vượng	Thành viên	
Ông Phạm Anh Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số : 1705.01.03/2021/BCTC- NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022 từ trang 58 đến trang 93, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá

tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

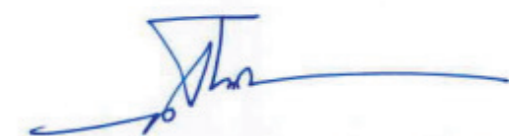
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKIINKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên



Phạm Văn Tuấn
GCNĐKHINKT số: 4497-2018-124-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.134.129.391.528	1.062.648.445.096
I. Tài sản tài chính	110		1.101.238.632.435	1.061.830.586.943
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		18.444.802.595	269.857.162.386
1.1. Tiền	111.1	7.1	18.444.802.595	269.857.162.386
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	356.285.099.350	363.394.481.210
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7.3.2	474.140.000.000	270.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7.3.3	181.265.735.779	146.188.514.360
7. Các khoản phải thu	117		3.057.648.505	11.067.241.944
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.4.1	3.057.648.505	11.067.241.944
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	3.866.187.700	383.287.500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	29.305.529.105	29.227.382.037
12. Các khoản phải thu khác	122	7.4.4	63.982.764.387	821.652.492
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	7.5	(29.109.134.986)	(29.109.134.986)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		32.890.759.093	817.858.153
	131		290.746.700	285.316.700
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6 a	574.852.393	532.541.453
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	7.7	32.025.160.000	-
5. Thuế GTGT được khấu trừ	135		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.365.763.928	73.436.619.926
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.485.446.711	16.181.106.329
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.8	2.733.218.315	4.385.617.769
- Nguyên giá	222		17.134.165.075	17.134.165.075
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(14.400.946.760)	(12.748.547.306)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.9	8.752.228.396	11.795.488.560
- Nguyên giá	228		25.014.519.948	24.514.519.948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(16.262.291.552)	(12.719.031.388)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		25.880.317.217	57.255.513.597
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6 b	39.718.859	33.595.317.335
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.10	15.799.671.515	13.639.405.834
2. Tài sản dài hạn khác	255		10.040.926.843	10.020.790.428
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.171.495.155.456	1.136.085.065.022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.982.363.301	11.888.148.803
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		13.982.363.301	11.888.148.803
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		2.463.469.277	4.213.706.072
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.11	531.400.038	1.393.385.463
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	7.12	653.750.000	338.750.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.13	3.947.952.315	390.068.644
11. Phải trả người lao động	323		1.585.802.154	690.669.493
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	7.14	106.968.215	125.509.055
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.15	793.730.000	77.250.000
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329	7.16	276.091.092	290.091.092
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		3.623.200.210	4.368.718.984
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.157.512.792.155	1.124.196.916.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	7.17	1.157.512.792.155	1.124.196.916.219
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		969.530.383.997	969.530.383.997
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		969.225.090.000	969.225.090.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		969.225.090.000	969.225.090.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(219.330.000)	(219.330.000)
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524.623.997	524.623.997
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		10.724.210.951	10.724.210.951
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11.263.566.694	11.263.566.694
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		774.230.438	1.349.230.439
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		165.220.400.075	131.329.524.138
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		105.847.323.025	58.245.728.628
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		59.373.077.050	73.083.795.510
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		1.171.495.155.456	1.136.085.065.022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		96.922.509	96.922.509
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.18	20.249.340.000	20.248.460.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	7.19	81.110.000.000	81.110.000.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.20	49.050.000.000	65.050.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.21	1.369.834.010.000	754.372.710.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.345.602.750.000	728.709.470.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	325.190.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		8.000.000.000	8.000.000.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		2.372.770.000	153.450.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		13.858.490.000	17.184.600.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.22	32.282.740.000	30.319.010.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		32.282.740.000	30.319.010.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.23	136.725.718.998	42.898.337.420
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		136.584.859.650	42.366.453.854
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	027.1		-	
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		140.859.348	531.883.566
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		140.859.348	531.883.566
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.24	136.579.413.011	45.724.201.778
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK	031.1		136.579.413.011	45.724.201.778
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		144.982.000	
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		11.000	19.000.000



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		9.775.456.302	37.771.936.532
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	7.25	600.000.000	-
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	7.26	9.175.364.090	37.771.813.140
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7.27	92.212	123.392
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2		15.253.620.323	22.539.452.057
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		31.636.247.006	56.991.998.048
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		35.361.959.830	32.469.368.144
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		680.708.433	1.128.789.464
1.10. Doanh thu tư vấn tài chính	10		800.000.000	489.090.909
Cộng doanh thu hoạt động	20		93.507.991.894	151.390.635.154
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		27.436.082.550	125.039.576.843
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	7.25	4.550.000.000	201.563.297.959
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	7.26	22.886.082.550	(76.523.721.116)
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		15.433.783.334	8.946.828.858
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		624.122.459	738.088.687
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		956.700.033	136.421.912
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	7.28	-	(3.205.032.680)
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		-	-
Cộng chi phí hoạt động	40		44.450.688.376	131.655.883.620
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		973.541.257	1.216.823.153
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	7.29	973.541.257	1.216.823.153

			Năm nay	Năm trước
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	7.30	12.741.943.630	18.876.218.670
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		37.288.901.145	2.075.356.017
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	7.31	44.370.005	1.822.262
8.2. Chi phí khác	72	7.32	215.766.700	508.122.120
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(171.396.695)	(506.299.858)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		37.117.504.450	1.569.056.159
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		50.828.222.910	(112.726.478.097)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(13.710.718.460)	114.295.534.256
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		3.226.628.513	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	7.33	3.226.628.513	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		33.890.875.937	1.569.056.159
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		491,13	(1.163,06)
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	7.34	491,13	(1.163,06)

Người lập biểu: 
Trần Thị Thu Phương

Kế toán trưởng: 
Trần Thị Lan

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2022
Tổng Giám đốc: 
Nguyễn Quỳnh Anh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(1.104.863.560.584)	(3.610.353.271.193)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		1.010.999.709.208	3.500.648.085.220
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(1.292.315.358)	(1.905.910.935)
4. Cổ tức đã nhận	04		92.212	123.392
5. Tiền lãi đã thu	05		54.984.915.287	69.374.965.672
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	-
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(11.412.164.111)	(13.678.336.387)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(9.369.697.749)	(9.387.577.631)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(5.106.024.026)	(11.178.761.114)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		85.856.166.930	14.093.398.632
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(66.569.481.600)	(22.346.434.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.772.359.791)	(84.733.718.454)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(500.000.000)	(5.016.363.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	23		(725.340.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		521.200.000.000	30.000.000.000
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(204.640.000.000)	24.983.637.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		(251.412.359.791)	(59.750.081.454)
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.1	269.857.162.386	329.607.243.840
VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.1	18.444.802.595	269.857.162.386

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.337.278.406.460	4.558.620.691.990
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(17.631.597.542.398)	(19.179.499.809.378)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		16.388.847.111.307	14.145.184.401.551
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(700.593.791)	(1.362.663.446)
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12			
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13			
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		93.827.381.578	(477.057.379.283)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		42.898.337.420	519.955.716.703
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		42.898.337.420	519.955.716.703
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		42.366.453.854	519.411.352.824
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		531.883.566	544.363.879
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		136.725.718.998	42.898.337.420
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		136.725.718.998	42.898.337.420
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		136.584.859.650	42.366.453.854
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		140.859.348	531.883.566

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu:  **Trần Thị Thu Phương**

Kế toán trưởng:  **Trần Thị Lan**

Tổng Giám đốc:  **Nguyễn Quỳnh Anh**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS
P. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		969.530.383.997	969.530.383.997	-	-	-	-	969.530.383.997	969.530.383.997
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		969.225.090.000	969.225.090.000	-	-	-	-	969.225.090.000	969.225.090.000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		(219.330.000)	(219.330.000)	-	-	-	-	(219.330.000)	(219.330.000)
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		524.623.997	524.623.997	-	-	-	-	524.623.997	524.623.997
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		6.755.756.204	10.724.210.951	3.968.454.747	-	-	-	10.724.210.951	10.724.210.951
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		7.295.111.947	11.263.566.694	3.968.454.747	-	-	-	11.263.566.694	11.263.566.694
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		533.007.986	1.349.230.439	1.587.381.899	(771.159.446)	-	(575.000.001)	1.349.230.439	774.230.438
8. Lợi nhuận chưa phân phối		142.459.523.170	131.329.524.138	114.295.534.256	(125.425.533.288)	47.601.594.397	(13.710.718.460)	131.329.524.138	165.220.400.075
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		183.671.261.916	58.245.728.628	-	(125.425.533.288)	47.601.594.397	-	58.245.728.628	105.847.323.025
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(41.211.738.746)	73.083.795.510	114.295.534.256	-	-	(13.710.718.460)	73.083.795.510	59.373.077.050
Cộng		1.126.573.783.304	1.124.196.916.219	123.819.825.649	(126.196.692.734)	47.601.594.397	(14.285.718.461)	1.124.196.916.219	1.157.512.792.155

Người lập biểu



Trần Thị Thu Phương

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan

Lập, ngày 03 tháng 03 năm 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS



Nguyễn Quỳnh Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán BOS

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ lên 969.225.090.000VND; Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ công ty; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS; Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất ngày 30 tháng 6 năm 2021. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

1.2 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán: Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi mới nhất tháng 4 năm 2021

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tự vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Môi giới và Tự doanh Chứng khoán phái sinh.

1.4 Quy mô vốn

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 6 năm 2021 là là: 969.225.090.000VND (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi chín tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng ./.).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

1.5 Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 51 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 42 nhân viên)

1.6 Hạn chế đầu tư và cho vay

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu

ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Công ty đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ theo giá thị trường, thực hiện đánh giá lại theo quý. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu: Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại xác định lãi hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ.

Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phái sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

4.3 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Phương tiện vận tải	6 – 10
Máy móc thiết bị	10
Phần mềm tin học	3 – 5

4.5 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Dự phòng phải trả

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

a) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

c) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.

Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

5.4 Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5 Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK định giá theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	76.072.772	30.452.061
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	18.366.919.771	269.823.339.264
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.810.052	3.371.061
Cộng	18.444.802.595	269.857.162.386

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán	11.400.088	262.651.336.600
- Cổ phiếu	11.400.088	262.651.336.600
b. Của nhà đầu tư	922.776.289	22.509.952.128.400
- Cổ phiếu	922.776.289	22.509.952.128.400
Tổng cộng	934.176.377	22.772.603.465.000

A.7.3. Các loại tài sản tài chính

7.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	87.202.324.800	146.575.401.850	87.200.988.200	137.534.783.710
Cổ phiếu chưa niêm yết	209.709.697.500	209.709.697.500	203.109.697.500	225.859.697.500
Cộng	296.912.022.300	356.285.099.350	290.310.685.700	363.394.481.210

7.3.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Hàng Hải có thời hạn trên 3 tháng.

7.3.3. Các khoản cho vay và phải thu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	170.419.321.731	170.419.321.731	142.230.213.295	142.230.213.295
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	10.846.414.048	10.846.414.048	3.958.301.065	3.958.301.065
Cộng	181.265.735.779	181.265.735.779	146.188.514.360	146.188.514.360

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

A.7.4. Các khoản phải thu

7.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	390.310.848	9.557.260.275
Dự thu lãi cho vay margin	2.667.337.657	1.509.981.669
Cộng	3.057.648.505	11.067.241.944

7.4.2. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	3.866.187.700	383.287.500
Công ty luật TNHH SMIC	293.000.000	293.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam	3.318.000.000	-
Các đối tượng khác	255.187.700	90.287.500
Cộng	3.866.187.700	383.287.500

7.4.3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	38.670.035	24.637.609
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	301.500.000	217.500.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	86.892.670	106.778.028
Phải thu dịch vụ khác	28.878.466.400	28.878.466.400
Cộng	29.305.529.105	29.227.382.037
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>29.018.847.486</i>	<i>29.018.847.486</i>

7.4.4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác bên liên quan	-	415.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	-	415.000.000
Phải thu đối tượng khác	63.982.764.387	406.652.492
Phải thu tiền đặt cọc	63.500.000.000	-
Các đối tượng khác	482.764.387	406.652.492
Cộng	63.982.764.387	821.652.492

A.7.5. Dự phòng phải thu khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(29.109.134.986)	(29.109.134.986)
Số trích lập/ hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	(29.109.134.986)	(29.109.134.986)

Chi tiết số dư dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2021		
			Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số cuối năm
1	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.018.847.486	29.018.847.486	-	29.018.847.486
	Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855	1.985.767.855		1.985.767.855
	Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395	1.802.130.395		1.802.130.395
	Đinh Thị Kim Thúy	1.128.657.078	1.128.657.078		1.128.657.078
	Mai Đức Nam	2.392.082.423	2.392.082.423		2.392.082.423
	Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924	3.245.015.924		3.245.015.924
	Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468	1.744.423.468		1.744.423.468
	Nguyễn Trà My	2.444.898.378	2.444.898.378		2.444.898.378
	Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425	3.167.341.425		3.167.341.425
	Võ Hưng Hiếu	2.791.041.936	2.791.041.936		2.791.041.936
	Khách hàng khác	8.317.488.604	8.317.488.604		8.317.488.604
2	Trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	90.287.500		90.287.500
	Báo Thái Nguyên	3.000.000	3.000.000		3.000.000
	CTCP phần mềm OOS	20.000.000	20.000.000		20.000.000
	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ	25.200.000	25.200.000		25.200.000
	Công ty TNHH Tích Hợp hệ thống quản lý Quốc Tế	42.087.500	42.087.500		42.087.500
	CỘNG	29.109.134.986	29.109.134.986		29.109.134.986

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

A.7.6. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	308.406.225	110.255.282
Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán	152.551.663	179.995.000
Chi phí bảo trì hệ thống	16.666.668	93.241.673
Chi phí bảo hiểm	69.227.834	75.628.198
Chi phí khác	28.000.003	73.421.300
Cộng	574.852.393	532.541.453

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	-	33.567.154.225
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	14.699.719
Chi phí khác	39.718.859	13.463.391
Cộng	39.718.859	33.595.317.335

A.7.7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	316.000.000	-
Đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC để mua bất động sản làm văn phòng chi nhánh	31.709.160.000	-
Cộng	32.025.160.000	-



A.7.8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	14.475.323.775	2.541.597.300	117.244.000	17.134.165.075
Tăng trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	14.475.323.775	2.541.597.300	117.244.000	17.134.165.075
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	7.393.816.595	1.098.957.300	34.969.000	8.527.742.895
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	11.201.030.344	1.477.529.805	69.987.157	12.748.547.306
Khấu hao trong năm	1.486.589.532	144.264.000	21.545.922	1.652.399.454
Số cuối năm	12.687.619.876	1.621.793.805	91.533.079	14.400.946.760
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.274.293.431	1.064.067.495	47.256.843	4.385.617.769
Số cuối năm	1.787.703.899	919.803.495	25.710.921	2.733.218.315

A.7.9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.079.737.400	1.434.782.548	24.514.519.948
Tăng do mua sắm mới	500.000.000	-	500.000.000
Số cuối năm	23.579.737.400	1.434.782.548	25.014.519.948
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	6.706.690.400	1.364.782.548	8.071.472.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11.314.220.297	1.404.811.091	12.719.031.388
Khấu hao trong năm	3.519.283.000	23.977.164	3.543.260.164
Số cuối năm	14.833.503.297	1.428.788.255	16.262.291.552
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.765.517.103	29.971.457	11.795.488.560
Số cuối năm	8.746.234.103	5.994.293	8.752.228.396

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

A.7.10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.534.034.871	10.241.719.513
Tiền lãi được phân bổ trong năm	4.145.636.644	3.277.686.321
Cộng	15.799.671.515	13.639.405.834

A.7.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV FLC Land	11.542.300	138.664.609
Công ty luật TNHH SMIC	341.584.100	341.584.100
Công ty Cổ phần công nghệ tin học và dịch vụ Goline	-	702.900.000
Các đối tượng khác	178.273.638	210.236.754
Cộng	531.400.038	1.393.385.463

A.7.12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Viện Quy hoạch và Thiết kế xây dựng Quảng Ninh	63.750.000	63.750.000
Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải	50.000.000	50.000.000
Các đối tượng khác	540.000.000	225.000.000
Cộng	653.750.000	338.750.000

A.7.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	27.500.000	20.454.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.226.628.513	-
Thuế thu nhập cá nhân	693.823.802	369.614.099
Cộng	3.947.952.315	390.068.644

Thuế giá trị gia tăng

Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lãi cho vay, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán là hoạt động không chịu thuế GTGT. Các hoạt động khác 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

A.7.14. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	106.968.215	125.509.055
Cộng	106.968.215	125.509.055

A.7.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quản lý CTCK	793.730.000	77.250.000
Cộng	793.730.000	77.250.000

A.7.16. Các khoản phải trả phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả, phải nộp khác	276.091.092	290.091.092
Cộng	276.091.092	290.091.092

A.7.17. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ DPTC và rủi ro nghề nghiệp	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn CSH
Số đầu năm trước	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	7.295.111.947	6.755.756.204	533.007.986
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.968.454.747	3.968.454.747	1.587.381.899
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(771.159.446)
Số cuối năm trước	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	11.263.566.694	10.724.210.951	1.349.230.439
Số đầu năm nay	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	11.263.566.694	10.724.210.951	1.349.230.439
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(575.000.001)
Số dư cuối năm	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	11.263.566.694	10.724.210.951	774.230.438

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Giá trị
Bà La Mỹ Phượng	6,19 %	60.000.000.000
Cổ đông khác	93,81 %	909.225.090.000
Cộng	100,00%	969.225.090.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

c. Lợi nhuận chưa phân phối

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	105.847.323.025	58.245.728.628
Lợi nhuận chưa thực hiện	59.373.077.050	73.083.795.510
Cộng	<u>165.220.400.075</u>	<u>131.329.524.138</u>

A.7.18. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	20.249.340.000	20.248.460.000
Cộng	<u>20.249.340.000</u>	<u>20.248.460.000</u>

A.7.19. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	81.110.000.000	81.110.000.000
Cộng	<u>81.110.000.000</u>	<u>81.110.000.000</u>

A.7.20. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	49.050.000.000	65.050.000.000
Cộng	<u>49.050.000.000</u>	<u>65.050.000.000</u>

A.7.21. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.345.602.750.000	728.709.470.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.000.000.000	8.000.000.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	-	325.190.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.372.770.000	153.450.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	13.858.490.000	17.184.600.000
Cộng	<u>1.369.834.010.000</u>	<u>754.372.710.000</u>

A.7.22. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	32.282.740.000	30.319.010.000
Cộng	<u>32.282.740.000</u>	<u>30.319.010.000</u>

A.7.23. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	136.584.859.650	42.366.453.854
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>136.584.859.650</i>	<i>42.366.453.854</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	140.859.348	531.883.566
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>140.859.348</i>	<i>531.883.566</i>
Cộng	<u>136.725.718.998</u>	<u>42.898.337.420</u>

A.7.24. Phải trả Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	136.579.413.011	45.724.201.778
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>136.579.413.011</i>	<i>45.724.201.778</i>
Cộng	<u>136.579.413.011</u>	<u>45.724.201.778</u>

THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

B.7.25. Lãi lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán		Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
A	B	1	2	3=1*2		4	5=3-4	6
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-		-	-	(201.563.297.959)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	6.500.000	19.392	126.050.000.000		130.000.000.000	(3.950.000.000)	-
	+ BAV	6.500.000	19.392	126.050.000.000		130.000.000.000	(3.950.000.000)	
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-		-	-	-
	Tổng cộng	6.500.000		126.050.000.000		130.000.000.000	(3.950.000.000)	(201.563.297.959)

B.7.26. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
A	B	C	D		E	F	G	H
I	Loại FVTPL	296.912.022.300	356.285.099.350		9.175.364.090	(22.886.082.550)	73.083.795.510	59.373.077.050
1	Cổ phiếu niêm yết	87.202.324.800	146.575.401.850		9.175.364.090	(136.082.550)	50.333.795.510	59.373.077.050
	FLC	1.613.047.093	3.608.694.000		2.695.532.850		(699.885.943)	1.995.646.907
	HAI	2.972.658.445	2.106.396.900		1.347.053.820		(2.213.315.365)	(866.261.545)
	KLF	7.772.814.914	7.159.274.100		5.126.393.800		(5.739.934.614)	(613.540.814)
	GAB	74.838.000.000	133.688.000.000			(136.000.000)	58.986.000.000	58.850.000.000
	Các cổ phiếu khác	5.804.348	13.036.850		6.383.620	(82.550)	931.432	7.232.502

THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
A	B	C	D		E	F	G	H
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	209.709.697.500	209.709.697.500			(22.750.000.000)	22.750.000.000	-
	ITASCO	110.000.000	110.000.000		-	-	-	-
	FCA	136.600.000.000	136.600.000.000			-	-	-
	FHH	72.999.000.000	72.999.000.000			-	-	-
	CIC	697.500	697.500		-	-	-	-
	BAV(*)	-	-		-	(22.750.000.000)	22.750.000.000	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-		-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	-	-		-	-	-	-
5	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-		-	-	-	-
6	Khoản đầu tư phái sinh niêm yết	-	-		-	-	-	-
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết	-	-		-	-	-	-
8	Các khoản đầu tư cho vay	-	-		-	-	-	-
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp	-	-		-	-	-	-
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu	-	-		-	-	-	-
II	Loại HTM	-	-		-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	-	-		-	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-		-	-	-	-
	Cộng	296.912.022.300	356.285.099.350		9.175.364.090	(22.886.082.550)	73.083.795.510	59.373.077.050

(*) Cổ phiếu BAV Công ty đã bán trong năm. Do đó, Công ty thực hiện ghi giảm giá trị đã đánh giá lại năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

B.7.27.Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
FVTPL	92.212	123.392
Cộng	92.212	123.392

B.7.28.Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng phải trả	-	(3.205.032.680)
Cộng	-	(3.205.032.680)

B.7.29.Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng	973.541.257	1.216.823.153
Cộng	973.541.257	1.216.823.153

B.7.30.Chi phí quản lý của công ty chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.213.125.054	7.215.055.322
Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư văn phòng	346.760.533	725.957.099
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.164.586.022	5.254.415.257
Chi phí thuế, phí và lệ phí	14.589.600	5.422.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.996.179.239	5.635.755.608
Chi phí khác	6.703.182	39.613.384
Cộng	12.741.943.630	18.876.218.670

B.7.31.Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	36.370.000	-
Thu nhập khác	8.000.005	1.822.262
Cộng	44.370.005	1.822.262

B.7.32. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế	5.766.700	350.722.673
Phạt vi phạm hành chính	210.000.000	-
Chi phí khác	-	157.399.447
Cộng	215.766.700	508.122.120

B.7.33.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.117.504.450	1.569.056.159
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	20.967.643.961	(36.606.858.052)
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	30.143.100.263	1.165.078.480
<i>Lỗi chưa thực hiện</i>	219.766.700	520.356.120
<i>Hoàn phần chênh lệch tăng do bán BAV</i>	7.173.333.563	644.722.360
<i>Hoàn phần chênh lệch tăng do bán BAV</i>	22.750.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9.175.456.302)	(37.771.936.532)
<i>Cổ tức được chia</i>	(92.212)	(123.392)
<i>Lãi chưa thực hiện</i>	(9.175.364.090)	(37.771.813.140)
Thu nhập chịu thuế	58.085.148.411	(35.037.801.893)
Lỗi các năm trước được chuyển	(35.037.801.893)	-
Thu nhập tính thuế	23.047.346.518	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	4.609.469.304	-
<i>Điều chỉnh giảm thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021</i>	(1.382.840.791)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.226.628.513	-

B.7.34.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế đã thực hiện	47.601.594.397	(112.726.478.097)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	47.601.594.397	(112.726.478.097)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	96.922.509	96.922.509
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	491,13	(1.163,06)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>
Thu nhập BLD	1.622.400.000
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	1.020.000.000
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	602.400.000
Thù lao HĐQT	407.000.001
Bà Hương Trần Kiều Dung	167.000.001
Ông Chu Tiến Vượng	60.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	60.000.000
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	60.000.000
Ông Lê Bá Nguyên	60.000.000
Tổng	<u>2.029.400.001</u>

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Anh trai của thành viên HĐQT Bà Trịnh Thị Thúy Nga là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC Chủ tịch HĐQT Công ty là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Công ty Cổ phần Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding	Anh trai của thành viên HĐQT Bà Trịnh Thị Thúy Nga là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh phát triển Bất động sản FLC HOMES	Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh phát triển Bất động sản FLC HOMES

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giá trị chứng khoán của các bên liên quan còn nắm giữ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	1.613.047.093
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	80.672
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất Động sản FLC HOMES	72.999.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding	136.600.000.000

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	<u>Giá Trị</u>
Đặt công Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC tiền mua bất động sản công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh A.7.7 ./.	31.709.160.000

8.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính năm 2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2022 Tổng Giám đốc
		
Trần Thị Thu Phương	Trần Thị Lan	Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Báo cáo kiểm toán

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
đã được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2021 đã kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ công ty; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS; Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất ngày 30 tháng 6 năm 2021. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 6 năm 2021: 969.225.090.000 VND.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Môi giới và tự doanh Chứng khoán phái sinh.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch
Ông Chu Tiến Vượng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Lê Bá Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Vũ Thị Hương	Trưởng ban	
Bà Phan Thị Bích Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Đăng Vượng	Thành viên	
Ông Phạm Anh Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2021 đã kiểm toán

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Lãnh đạo Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2021 đã kiểm toán

Số: 1705.01.04/2021/NVT2-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022 được trình bày từ trang 101 đến trang 117 đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế,

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2021 đã kiểm toán

tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2018-124-1

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2021 đã kiểm toán

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS
Số: 100/2022/BC-BOS
V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2021

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bộ phận Kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Lan **Nguyễn Thị Thanh Thanh** **Nguyễn Quỳnh Anh**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Năm 2021 đã kiểm toán

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG		Đơn vị tính: đồng		
TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	969.225.090.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	(219.330.000)		
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu	524.623.997		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10.724.210.951		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.263.566.694		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	774.230.438		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	165.220.400.075		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	29.109.134.986		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			1.186.621.927.141

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Năm 2021 đã kiểm toán

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)				
TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		29.018.847.486	
11	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
12	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
13	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
14	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		574.852.393	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		32.025.160.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác		3.866.187.700	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	TỔNG			65.485.047.579
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Năm 2021 đã kiểm toán

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)				
TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư dài hạn khác			
II	Tài sản cố định		11.485.446.711	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn			
2	Chi phí trả trước dài hạn		39.718.859	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		15.799.671.515	
5	Tài sản dài hạn khác			
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	TỔNG			27.324.837.085

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		10.040.926.843	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng			10.040.926.843
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				1.083.771.115.634



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Năm 2021 đã kiểm toán

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO				
A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0%	18.444.802.595	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%		
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	474.140.000.000	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	0%		
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3%		
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		

Các hạng đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)= (1) x (2)
IV	Trái phiếu doanh nghiệp		
	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết		
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	
	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết		
8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Năm 2021 đã kiểm toán

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)				
Các hạng đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1) x (2)
IV. Cổ phiếu				36.970.363.640
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	139.413.523.050	13.941.352.305
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	7.161.288.500	1.074.193.275
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	590.300	118.060
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	72.999.000.000	21.899.700.000
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	110.000.000	55.000.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				558.000
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%		
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh cáo	20%		
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%		
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	697.500	558.000

Các hạng đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1) x (2)
VII. Chứng khoán phái sinh				
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%		
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%		
VIII. Chứng khoán khác				109.280.000.000
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%		
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%		
25	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM	8%		
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%		
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100%		
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	136.600.000.000	109.280.000.000
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				10.928.000.000
	Mã chứng khoán			
1	Công ty Cổ phần Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding (Tổng giá trị đầu tư chiếm từ 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty)	10%	109.280.000.000	10.928.000.000
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			157.178.921.640

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	33.528.400.000
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	-
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)	8.534.520.000
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	42.062.920.000

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)								
		Giá trị rủi ro (VND)					Tổng giá trị rủi ro	
Hệ số rủi ro (%)		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%		8%
Loại hình giao dịch		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác					28.448.400.000	5.080.000.000	33.528.400.000
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							33.528.400.000	

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác, đối tượng khác	8%

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%		
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác

TT	Chi tiết từng từng đối tượng	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải là Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng)	100%		
TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC				

4. Rủi ro tăng thêm

Đơn vị tính: đồng

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (giá trị hợp đồng tiền gửi chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu của Công ty)	30%	28.448.400.000	8.534.520.000
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				8.534.520.000



C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2021	60.635.027.219
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	28.081.742.168
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	32.553.285.051
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	8.138.321.263
V	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		50.000.000.000

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

(Đơn vị tính: đồng)

Chi phí khấu hao	5.195.659.618
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp:	
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	
Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	22.886.082.550
Chi phí lãi vay	

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	157.178.921.640	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	42.062.920.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	249.241.841.640	
5	Vốn khả dụng	1.083.771.115.634	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	434,83%	

